



KÝ HIỆU CHỮ NỔI ÂM NHẠC CƠ BẢN

Biên soạn: Đặng Hoài Phúc

©Bản quyền thuộc Trung Tâm Vì Người mù Sao Mai

Email: phuc@saomaicenter.org

Trang web: www.saomaicenter.org

Năm 2023

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU	5
1. NỐT VÀ LẶNG	6
1.1 Hình Nốt Và Giá Trị	7
1.2 Chấm Dôi	8
1.3 Lặng Nghỉ Nhiều Ô Nhịp	8
1.4 Ký Hiệu Giá Trị Lớn Hơn Và Nhỏ Hơn	8
2. KÝ HIỆU BẬC	10
2.1 Quy Tắc Bậc	10
3. HÓA BIỂU VÀ DẤU HÓA BẤT THƯỜNG	12
3.1 Hóa Biểu	12
3.2 Dấu Hóa Bất Thường	12
4. KÝ HIỆU CHỈ NHỊP	14
4.1 Chỉ Nhịp Thường Gặp	14
4.2 Chỉ Nhịp Kết Hợp Hình Nốt	15
4.3 Biểu Tượng Chỉ Nhịp	15
5. NHÓM NỐT VÀ LIÊN	16
5.1 Phương Pháp Nhóm Các Nốt	16
5.2 Các Trường Hợp Không Được Nhóm Nốt	16
5.3 Liên 3	18
5.4 Các Nhóm Liên Khác	18
5.5 Liên 3 Chồng	19
6. QUÃNG	20
6.1 Hợp Âm	20
6.2 Hướng Ghi Quãng	20
6.3 Quy Tắc Báo Bậc Cho Quãng	21
6.4 Nhân Đôi Quãng	22
7. DẤU NỐI	23
7.1 Dấu Nối Đơn	23

7.2 Dấu Nối Hợp Âm.....	23
7.3 Rải Chồng Hợp Âm	24
8. DẤU LUYẾN.....	25
8.1 Chức Năng Dấu Luyện	25
8.2 Tiết Nhạc Chứa Đoạn Luyện Ngắn.....	25
8.3 Tiết Nhạc Chứa Đoạn Luyện Dài.....	26
8.4 Luyện Chồng/Lớp	26
8.5 Dấu Luyện Và Nối	27
9. KÝ HIỆU KỆP VÀ PHÂN CHIA Ô NHỊP	29
9.1 Phương Pháp Kệp	29
9.2 Kệp Toàn Ô Nhịp	29
9.3 Kệp Một Phần Ô Nhịp.....	31
9.4 Kệp Lồng Ghép	32
10. KÝ HIỆU NGÓN	33
10.1 Vị Trí Đặt Ký Hiệu Ngón.....	33
10.2 Thay Đổi Ngón Bấm	33
10.3 Các Ngón Bấm Tùy Chọn	34
11. DẤU NGÂN RUNG.....	36
11.1 Các Loại Ngân Rung	36
11.2 Ngân Rung Đơn	36
11.3 Ngân Rung Luân Phiên	37
12. DẤU HOA MỸ.....	38
12.1 Giải Nghĩa Các Dấu Hoa Mỹ.....	38
12.2 Nốt Dựa	39
12.3 Dấu Láy Rền	40
12.4 Dấu Vuốt.....	41
13. LẶP LẠI TOÀN BỘ VÀ MỘT PHẦN Ô NHỊP.....	43
13.1 Cách Dùng Chung Của Ký Hiệu Lặp Lại Trong Nhạc Nổi	43
13.2 Lặp Lại Một Ô Nhịp Nhiều Lần.....	45
13.3 Lặp Lại Một Phần Ô Nhịp.....	45
14. LẶP LẠI BẰNG SỐ ĐẾM	47

14.1	Lặp Lại Bằng Số Đếm Ngược.....	47
14.2	Lặp Lại Bằng Số Thứ Tự Ô Nhịp	47
14.3	Lặp Lại Bằng Số Đếm Trong Các Bậc Và Cường Độ Khác Nhau	48
14.4	Dấu Luyến, Nối Và Lặp Lại Bằng Số Đếm	48
15.	DẤU LẶP LẠI TRONG BẢN CHỮ SÁNG	50
15.1	Ký Hiệu Bắt Đầu Và Kết Thúc Lặp Lại	50
15.2	Khung Thay Đổi.....	51
15.3	Lặp Lại Bằng Dấu Segno Và Coda.....	51
16.	SẮC THÁI.....	53
16.1	Ký Hiệu Ghi Trước Nốt.....	53
16.2	Ký Hiệu Ghi Sau Nốt.....	54
16.3	Từ Và Chữ Viết Tắt	54
17.	NHẠC CỤ PHÍM.....	56
17.1	Bản Chữ Sáng Và Chữ Nối.....	56
17.2	Bàn Đạp Vang	57
18.	NHẠC CỤ DÂY	59
18.1	Cách Dùng Chung	60
18.2	Nhạc Cụ Dây Gảy	63
18.3	Nhạc Cụ Dây Dùng Vĩ.....	66
19.	NHẠC CÓ LỜI VÀ TÔNG	68
19.1	Cách Trình Bày	68

LỜI NÓI ĐẦU

Sách gồm 19 chương, các chương được sắp xếp theo một bố cục thống nhất. Đầu mỗi chương là bảng ký hiệu chữ nổi được sử dụng trong chương đó.

Mỗi chủ đề trong chương sẽ bao gồm ba phần chính là giới thiệu quy tắc viết trong nhạc chữ nổi, ví dụ minh họa và ghi chú của mỗi ví dụ (nếu cần).

Để tiện phân biệt và dò tìm, mỗi ký hiệu chữ nổi đều được bọc bằng chấm 123456 ⠆.

Do định dạng của một bản nhạc chữ nổi là rất quan trọng, nên các ví dụ được trình bày với số ký tự trên dòng là 40.

Sách này được biên soạn với nguồn tham khảo chính là từ tài liệu Mã Chuyển Đổi Nhạc Chữ Nổi 2015 của BANA (Braille Authority of North America), đã được Trung Tâm Vì Người Mù Sao Mai chuyển ngữ qua tiếng Việt. Có thể tìm đọc tại: <https://saomaicenter.org/vi/docs/mbc>

Tôi khuyến khích quý vị tìm hiểu sử dụng phần mềm Sao Mai Braille, được đánh giá là có chức năng chuyển đổi nhạc chữ nổi tốt nhất hiện nay. Xem và tải về tại: <https://saomaicenter.org/vi/smssoft/smb>

Mọi thắc mắc và yêu cầu, vui lòng gửi thư điện tử về cho tôi tại: phuc@saomaicenter.org

Đặng Hoài Phúc .

1. NỐT VÀ LẶNG

Bảng ký hiệu hình nốt

Sắp xếp theo thứ tự thang âm Đô: đô rê mi pha son la si. Ký hiệu cuối là dấu lặng.

Nốt tròn/móc đôi/móc sáu:

⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨

Nốt trắng/móc ba/móc bảy:

⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨

Nốt đen/móc tư/móc tám:

⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨

Móc đơn/móc năm/móc chín:

⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨

Nốt tròn kép:

⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨

Những ký hiệu khác dùng trong chương 1

⠠⠨ ⠠⠨	Dấu chấm đôi tăng thêm giá trị trường độ
⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨	Báo giá trị nhóm 1 (nốt móc đơn và lớn hơn)
⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨	Báo giá trị nhóm 2 (nốt móc đôi và nhỏ hơn)
⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨	Báo giá trị nhóm 3 (nốt móc sáu và nhỏ hơn)
Khoảng trắng	Vạch nhịp
⠠⠨ ⠠⠨	Vạch nhịp dứt
⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨	Vạch nhịp kép kết bài
⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨	Vạch nhịp kép kết đoạn
⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨	Tay phải nhạc cụ phím
⠠⠨ ⠠⠨ ⠠⠨	Tay trái nhạc cụ phím

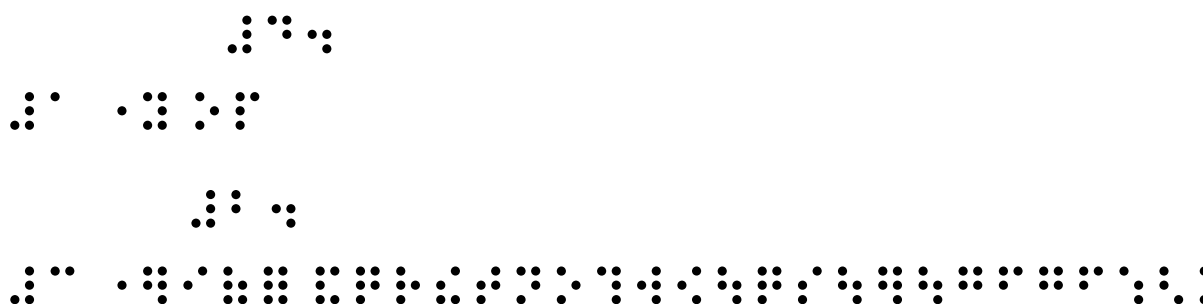
1.1 Hình Nốt Và Giá Trị

Hình nốt móc đơn chiếm vị trí của bốn chấm 1245. Chấm 6 được thêm vào sẽ là nốt đen, thêm chấm 3 là nốt trắng, và thêm chấm 36 là nốt tròn.

Hình nốt và lặng của nhóm 1 lần lượt sẽ là tròn, trắng, đen, móc đơn. Nhóm 2 có giá trị trường độ nhỏ hơn có cùng hình nốt tương ứng với nhóm 1 là móc đôi, móc ba, móc tư, móc năm. Và tương tự tiếp theo là nhóm 3, nốt móc sáu, móc bảy, móc tám và móc chín.

Số lượng nốt trong một ô nhịp sẽ phần nào giúp người đọc biết được nốt có giá trị trường độ nào trong hai giá trị của ký hiệu cùng hình nốt.

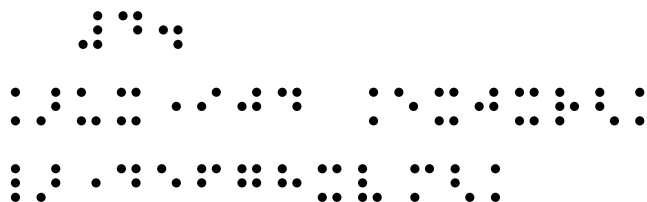
Ví dụ 1.1-1



Ghi chú:

- Ô nhịp 1 và 2 có chỉ nhịp là 4/4. Ô 3 và 4 chuyển qua nhịp 2/4.
- Đầu đoạn nhạc là đánh số ô nhịp bắt đầu là ô 1. Nếu là ô nhịp lẻ ở đầu bài, sẽ báo bằng số 0.
- Đoạn 1 ô 1 là Đô tròn bậc 4 (không phải nốt móc đôi). Ô 2 là hai nốt Rê Mi trắng (không phải móc ba).
- Đoạn 2: ô 3 là Pha đen, La đơn và Son Pha móc đôi.
Ô 4 toàn là nốt có giá trị nằm ở nhóm 2 (móc đôi, ba, bốn và móc năm).

Ví dụ 1.1-2



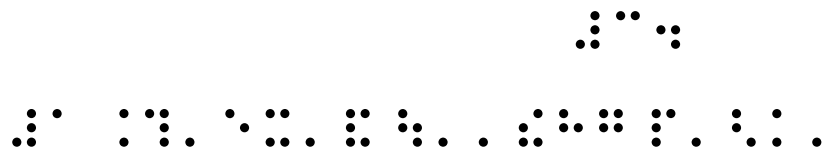
Ghi chú:

- Đoạn nhạc có hai ô nhịp được ghi cho tay phải và tay trái. Tất cả các nốt và lặng đều nằm trong nhóm 1.

1.2 Chấm Dôi

Một nốt hoặc lặng có dấu chấm dôi được mô tả bằng cách thêm chấm 3 ngay sau nốt hoặc lặng đó. Khi nó có nhiều hơn một dấu chấm dôi, số lượng chấm 3 tương ứng sẽ được thêm vào Không có ký hiệu nào khác có thể đứng giữa hình nốt hoặc lặng và dấu chấm dôi.

Ví dụ 1.2-1



1.3 Lặng Nghỉ Nhiều Ô Nhịp

Khi liên tục có từ hai hoặc ba ô nhịp có lặng nghỉ, thì hai hay ba lặng tròn được viết sát lại với nhau.

Khi có từ bốn ô nhịp nghỉ trở lên, sẽ báo số ô nhịp nghỉ và theo sau là một lặng tròn.

Ví dụ 1.3-1



Ghi chú:

- Lặng nghỉ toàn ô nhịp 2 và 3, báo hai lặng tròn liên tục.
- Lặng nghỉ đoạn từ ô 5-8 (nghỉ 4 ô), báo số 4 và một lặng tròn.

1.4 Ký Hiệu Giá Trị Lớn Hơn Và Nhỏ Hơn

Khi có khả năng gây nhầm lẫn giá trị trường độ lớn hơn hay nhỏ hơn của hai hình nốt nằm liền kề nhau (ví dụ như trong trường hợp nốt trắng đứng liền trước hoặc liền sau một nốt móc ba), ký hiệu lớn hơn $\text{♩} \text{♩} \cdot \text{♩}$ hoặc nhỏ hơn $\text{♩} \cdot \text{♩} \text{♩}$ phải đặt trước nốt thay đổi giá trị.

Ví dụ 1.4-1



Ghi chú:

- Nốt Đô đầu tiên là nốt trắng, rồi đến dấu báo giá trị nhỏ hơn thuộc nhóm 2. Bốn nốt sau đó là móc ba và đến nốt móc đơn.

2. KÝ HIỆU BẬC

Ký hiệu	Mô tả
♩ · ♩	Bậc một
♩ : ♩	Bậc hai
♩ : ♩	Bậc ba
♩ · ♩	Bậc bốn
♩ : ♩	Bậc năm
♩ : ♩	Bậc sáu
♩ . ♩	Bậc bảy
♩ · · ♩	Thấp hơn bậc một
♩ . . ♩	Cao hơn bậc bảy

2.1 Quy Tắc Bậc

Để ký âm bằng chữ nổi, thang âm được chia thành các phần gọi là bậc (octave) nhằm xác định cao độ của nốt, mỗi phần gồm các nốt từ nốt Đô lên nốt Si tiếp theo. Các bậc này được đánh số từ 1 đến 7, bắt đầu từ nốt Đô thấp nhất trên đàn piano. Bậc dưới bậc 1 gọi là bậc dưới (sub octave), và trên bậc 7 gọi là bậc trên (super octave).

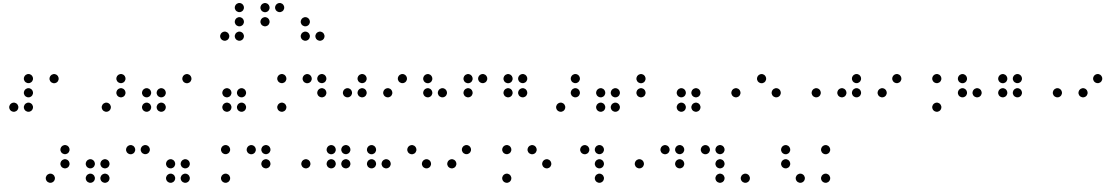
Các quy tắc sử dụng ký hiệu bậc là rất quan trọng. Cao độ của nốt được trình bày bằng cách đặt trước nó một dấu bậc (nếu cần). Không được có bất kỳ ký hiệu nào được chen giữa hai ký hiệu này.

Ký hiệu bậc luôn được khai báo cho nốt đầu tiên của một đoạn chữ nổi, nốt đầu tiên theo sau một dấu báo số hay báo từ, và ở nhiều vị trí khác (sẽ được giải thích tại các phần liên quan trong suốt tài liệu này).

Bên cạnh đó, việc báo bậc cần xác định bằng quãng giai điệu. Trong một quãng giai điệu:

- không thêm ký hiệu bậc cho nốt thứ hai trong 2 nốt liên tiếp nếu chúng cách nhau một quãng nhỏ hơn 4,
- luôn thêm ký hiệu bậc trong quãng lớn hơn 5, và
- chỉ thêm ký hiệu bậc trong quãng 4 hoặc quãng 5 khi nốt thứ hai và nốt thứ nhất nằm trong 2 bậc khác nhau.

Ví dụ 2.1-1



Ghi chú:

- Ô 1 là ví dụ cho quy tắc (A), ô 2 là (B) và ô 3 là cho quy tắc (C) được đề cập ở trên.

3. HÓA BIỂU VÀ DẤU HÓA BẤT THƯỜNG

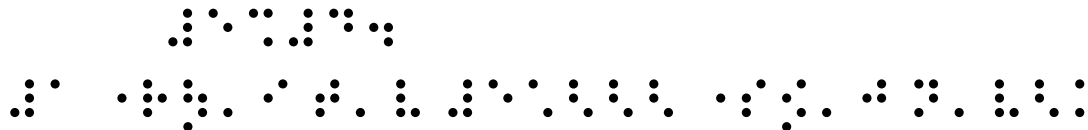
Ký hiệu	Mô tả
⠠⠨⠠	Dấu bình
⠠⠨⠠	Dấu thăng
⠠⠨⠠⠠	Dấu thăng 1/4
⠠⠨⠠⠠	Dấu thăng 3/4
⠠⠨⠠	Dấu giáng
⠠⠨⠠⠠	Dấu giáng 1/4
⠠⠨⠠⠠	Dấu giáng 3/4

3.1 Hóa Biểu

Khi một hóa biểu (còn gọi là dấu hóa mặc định) chứa 1, 2, hay 3 dấu hóa, nó được ghi bằng con số tương ứng với số lượng dấu thăng hoặc giáng liên tiếp. Khi hóa biểu chứa từ 4 dấu hóa trở lên, sẽ ghi bằng số báo tương ứng với số lượng dấu hóa và theo sau là một dấu hóa.

Khi xuất hiện cùng với chỉ nhịp, sẽ ghi hóa biểu ngay trước chỉ nhịp mà không cần khoảng trắng phân cách. Nếu xuất hiện một mình, trước và sau hóa biểu cần có một khoảng trắng phân cách.

Ví dụ 3.1-1



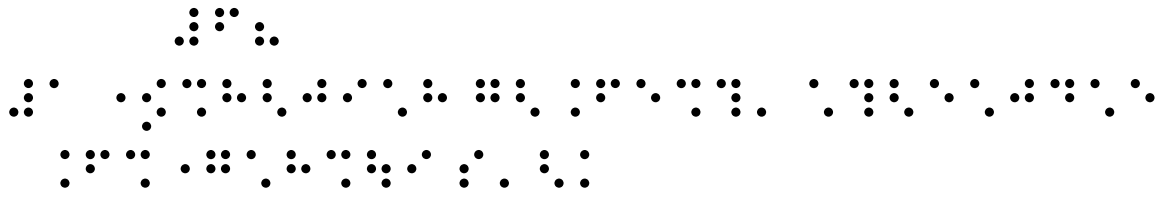
Ghi chú:

- Hóa biểu đầu bài là 5 dấu thăng và có chỉ nhịp là 4/4. Từ ô nhịp 3 là chuyển sang 3 dấu giáng.
Lưu ý: 5 dấu bình được báo ngay trước 3 dấu giáng nhằm báo hủy từ 5 dấu thăng trước đó về 5 dấu bình, rồi sau đó chuyển ngay qua 3 dấu giáng.

3.2 Dấu Hóa Bất Thường

Là dấu hóa được thay đổi khác so với dấu hóa mặc định của bài. Một dấu hóa bất thường được đặt ngay trước hình nốt hoặc quãng của nó và không thể bị ngăn cách với hình nốt hay quãng đó bằng bất cứ ký hiệu nào ngoài ký hiệu bậc.

Ví dụ 3.2-1



4. KÝ HIỆU CHỈ NHỊP

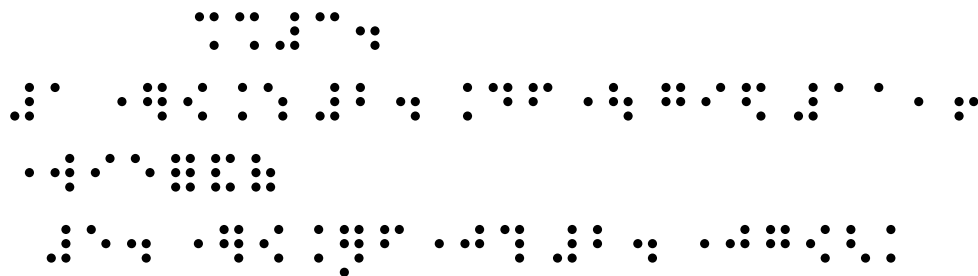
Ký hiệu	Mô tả
⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Nhịp hai bốn (2/4)
⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Nhịp ba bốn (3/4)
⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Nhịp bốn bốn (4/4)
⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Nhịp sáu tám (6/8)
⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Nhịp C
⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Nhịp C chẻ
⠠⠨⠠⠨	Dấu báo nhịp

4.1 Chỉ Nhịp Thường Gặp

Các số chỉ nhịp cơ bản thường có hai chữ số và được ghi theo dạng phân số. Số ghi ở trên (tử số) chỉ số phách của một ô nhịp, và số ghi ở dưới (mẫu số) là chỉ giá trị của một nốt tương ứng với một phách. Chỉ nhịp được đặt giữa hai khoảng trắng hoặc ghi cùng với hóa biểu (nếu có).

Đối với những bản nhạc dòng đơn, khi chỉ nhịp xuất hiện hiện trong bài, có thể ghi chỉ nhịp cùng với dòng nốt, ưu tiên đặt ở cùng dòng với các nốt trong ô nhịp theo sau nó. Nốt đầu tiên sau số chỉ nhịp luôn được báo lại bậc.

Ví dụ 4.1-1



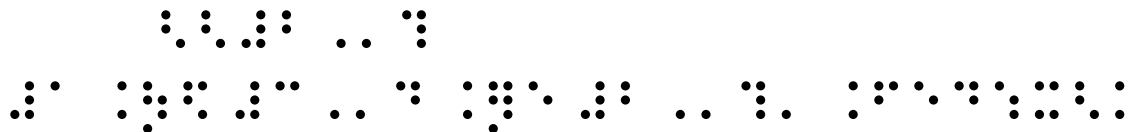
Ghi chú:

- Bài bắt đầu với chỉ nhịp 3/4. Ô 2 chuyển qua nhịp 2/4, ô 4 chuyển qua 11/16, ô 5 chuyển qua 5/4, và ô 6 chuyển qua 2/4.

4.2 Chỉ Nhịp Kết Hợp Hình Nốt

Khi số chỉ nhịp chứa một chữ số và một hình nốt nhằm xác định giá trị nhịp, chữ số được đặt trước, theo sau là dấu báo nhạc nổi chấm 6-3 $\text{♩} \dots \text{♩}$ và nốt Đô đại diện cho giá trị trường độ của một phách.

Ví dụ 4.2-1



Ghi chú:

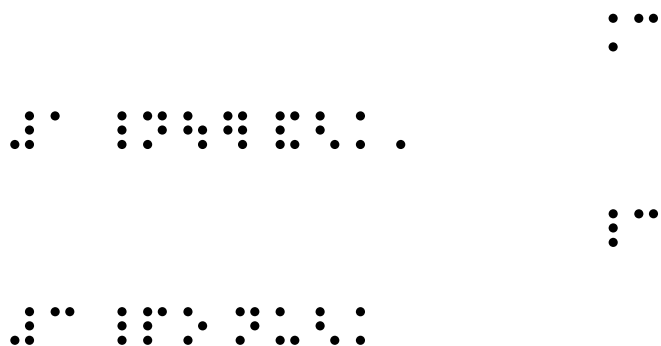
- Đầu bài có chỉ nhịp 2 và giá trị một phách bằng nốt Đô đen.
- Ô 2 chuyển qua nhịp 3, mỗi phách có giá trị trường độ bằng nốt móc đơn.
- Và ô 3 là nhịp 3 có trường độ một phách bằng nốt đen chấm.

4.3 Biểu Tượng Chỉ Nhịp

Số chỉ nhịp 4/4 có thể được thay bằng biểu tượng chữ C hoa. Đây còn được gọi là nhịp C. Trong chữ nổi sẽ báo là $\text{♩} \text{♩} \text{♩} \text{♩}$.

Nhịp 2/2 có thể được thay bằng biểu tượng chữ C hoa có gạch dọc ở giữa, còn gọi là nhịp C chẻ. Trong chữ nổi sẽ báo là $\text{♩} \text{♩} \text{♩} \text{♩}$.

Ví dụ 4.3-1



5. NHÓM NỐT VÀ LIÊN

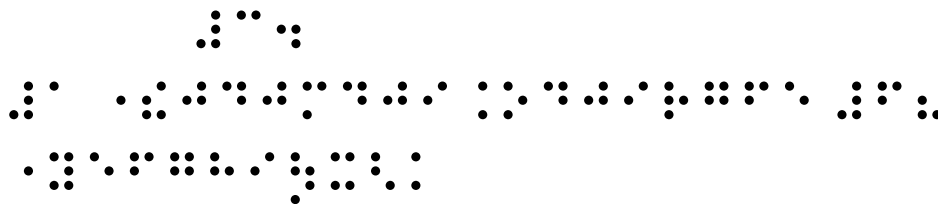
Ký hiệu	Mô tả
⠠⠠⠠	Liên 3 (ký hiệu một ô chữ nổi)
⠠⠠⠠⠠⠠	Liên 3 (ba ô chữ nổi)
⠠⠠⠠⠠	Liên 2 vvv.
⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Liên 10 vvv.
⠠⠠⠠⠠	Dấu báo chữ
⠠⠠⠠	Dấu nốt nhạc

5.1 Phương Pháp Nhóm Các Nốt

Cách nhóm các hình nốt có giá trị nhỏ hơn nốt móc đơn trong bản nhạc nổi cũng tương tự nhưng không hoàn toàn giống với trong bản chữ sáng. Để chuyển thành nhạc nổi, một nhóm thường gồm 3 hình nốt có cùng giá trị trở lên và chiếm đủ một phách hoặc một phần chia đều của một phách. Nguyên tắc chung của cách nhóm nốt trong nhạc nổi là viết nốt đầu tiên của nhóm đúng hình nốt theo giá trị của nó, các nốt còn lại được trình bày bằng hình nốt móc đơn. Đối với lặng, nếu nằm ở đầu nhóm, thì vẫn có thể nhóm bình thường.

Nhóm nốt cũng phải phụ thuộc vào loại chỉ nhịp để phân chia cho đúng. Việc nhóm các nốt không bị ảnh hưởng bởi sự xuất hiện của các dấu luyến, dấu nổi, sắc thái, cường độ, v.v...

Ví dụ 5.1-1



Ghi chú:

- Ô 1: phách 1 và 2 là 2 nhóm 4 nốt móc đôi. Đầu nhóm 2 là lặng móc đôi. Ở phách 3 là 2 nhóm móc ba.
- Ô 2 đổi qua nhịp 6/8, phách 1-3 là nhóm 6 nốt móc đôi.

5.2 Các Trường Hợp Không Được Nhóm Nốt

Các hình nốt không được nhóm lại, mà phải viết theo đúng giá trị hình nốt của chúng, khi:

(a) các hình nốt không nằm hoàn toàn trong cùng một phách hay phần chia đều của phách;

Ghi chú:

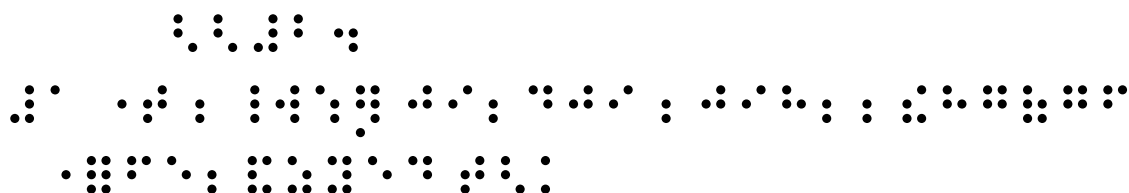
- Giữa phách 3 ô 1 có cụm chữ chỉ dẫn, nên cần báo dấu nổi chấm 5 và khoảng trắng, sau đó viết cụm chữ được bọc đầu đuôi bằng dấu báo chữ chấm 345. Sau đó, là khoảng trắng và viết tiếp nốt phần ô nhịp còn lại.

5.3 Liên 3

Các liên 3 thông thường được báo bằng chấm 23 $\text{::} \text{:} \text{:}$, và có thể viết tắt bằng cách báo nhân đôi khi có từ bốn liên 3 cùng loại liên tục trở lên.

Ngoài ra, các nốt trong một liên nếu cùng giá trị thì vẫn có thể áp dụng phương pháp nhóm nốt.

Ví dụ 5.3-1



Ghi chú:

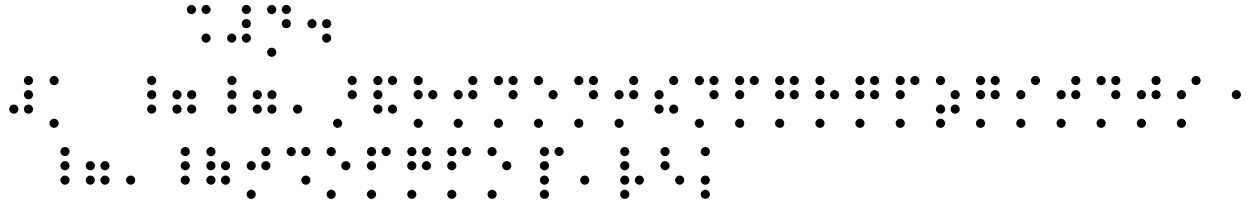
- Ô 2 là liên 3 nốt đen.
- Đầu ô 3 là liên 3 móc đơn. Và theo sau đó qua ô 4 là bốn liên 3 cùng loại móc đôi liên tục, nên có thể viết tắt bằng cách nhân đôi dấu liên 3 ở điểm bắt đầu và báo lại một lần ở điểm kết.

5.4 Các Nhóm Liên Khác

Khi gặp liên khác 3 như liên 2, liên 5, 7, liên 11 vvv, thì sẽ báo tiền tố chấm 456 $\text{:} \text{:} \text{:}$, cộng với số của liên được ghi ở bốn chấm dưới và sau đó là chấm 3. Ví dụ: liên 2 sẽ được báo là $\text{:} \text{:} \text{:} \text{:} \text{:}$, hay liên 7 báo là $\text{:} \text{:} \text{:} \text{:} \text{:}$.

Khi gặp bốn liên giống nhau liên tục trở lên, cũng có thể nhân đôi. Dấu báo liên đầu tiên ở điểm bắt đầu nhân đôi không cần có chấm 3 ở sau.

Ví dụ 5.4-1



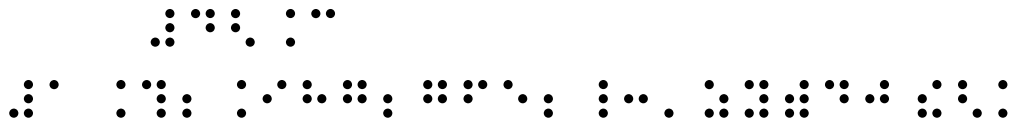
Ghi chú:

- Ô 1 có 4 liên 7 móc đôi liên tục, nên có thể báo nhân đôi liên.

5.5 Liên 3 Chồng

Khi một liên 3 nằm trong một liên 3 khác, thì liên 3 cấp con sẽ được báo bằng chấm 456, cộng số 3 dưới và chấm 3.

Ví dụ 5.5-1



Ghi chú:

- Ô 1 phách 4 là một liên 3 móc đơn và trong đó chứa một liên 3 móc đôi.

6. QUÃNG

Ký hiệu	Mô tả
⦿.⦿	Quãng 2
⦿.⦿	Quãng 3
⦿.⦿	Quãng 4
⦿.⦿	Quãng 5
⦿.⦿	Quãng 6
⦿.⦿	Quãng 7
⦿.⦿	Quãng 8

6.1 Hợp Âm

Khi hai hay nhiều nốt có cùng trường độ vang lên cùng lúc, hình thành nên một hợp âm, chỉ có một nốt được viết đúng hình nốt (gọi là nốt ghi). Các nốt còn lại được ghi bằng các ký hiệu quãng. Quãng là khoảng cách giữa các nốt trong hợp âm so với nốt được ghi.

Nếu nốt quãng có dấu hóa bất thường hay báo bậc, thì cũng sẽ báo trước dấu quãng đó.

Nếu hợp âm có chấm dôi, thì chỉ báo chấm dôi ở sau nốt ghi.

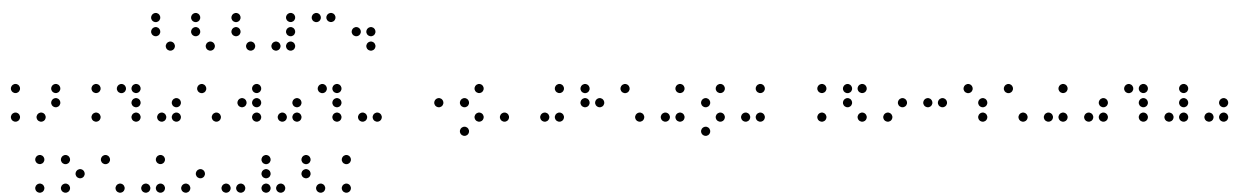
Trong nhạc nổi có 7 dấu quãng, đại diện cho quãng 2-8. Như vậy, dấu quãng 2 cũng được dùng cho quãng 9 và 16; hay dấu quãng 3 dùng chung cho quãng 10 và 17 v.v.

6.2 Hướng Ghi Quãng

Nhìn chung, các bản nhạc in có khóa Son treble hoặc khóa Đô alto, như các phần tay phải cho nhạc cụ phím, giọng soprano và alto, đàn violon, viola, sáo, v.v..., khi chuyển đổi dùng nốt có cao độ cao nhất trong hợp âm làm nốt được ghi và các nốt còn lại được ghi bằng dấu quãng theo hướng xuống so với nốt trên cùng.

Các bản nhạc in có khóa Fa bass hoặc khóa Đô tenor, như phần tay trái cho nhạc cụ phím, giọng bass và tenor, bass, cello, kèn bassoon, v.v..., khi chuyển đổi dùng nốt có cao độ thấp nhất làm nốt được ghi và các nốt còn lại là các quãng hướng lên so với nốt thấp nhất.

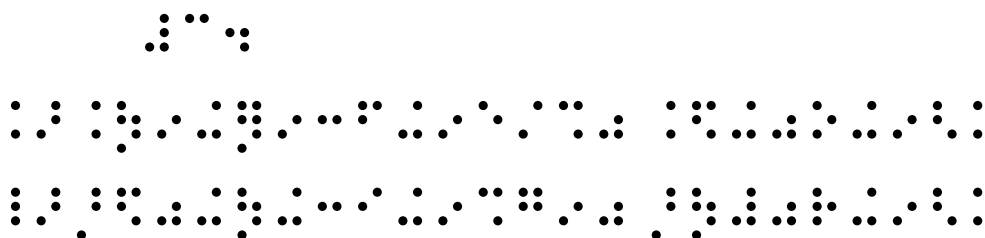
Ví dụ 6.2-1



Ghi chú:

- Đây là phần nốt ghi cho tay phải, được tính hướng quãng xuống. Đầu ô nhịp thứ 3 là một hợp âm gồm ba nốt đen: Mi bậc 5 (là nốt ghi), La bậc 4 (quãng 5) và Pha bậc 4 (quãng 7).

Ví dụ 6.2-2



Ghi chú:

- Dòng nốt đầu là cho phần tay phải và dòng sau là tay trái. Như vậy, hướng tính quãng tay phải là xuống và tay trái là hướng lên. Ở ô nhịp thứ nhất:

Tay phải: hợp âm đầu là 3 nốt đen: Sol bậc 5 (nốt ghi), Đô bậc 5 (quãng 5), và Mi bậc 4 (quãng 10).

Tay trái: hợp âm đầu cũng là 3 nốt đen: Mi bậc 2 (nốt ghi), Đô bậc 3 (quãng 6), và Son bậc 3 (quãng 10).

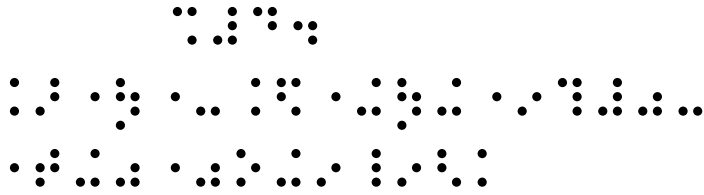
6.3 Quy Tắc Báo Bậc Cho Quãng

Việc xét báo bậc cho nốt quãng không giống với điều kiện xét báo bậc cho nốt thông thường. Nếu nốt quãng thứ nhất ngay sau nốt ghi có khoảng cách với nốt ghi từ quãng 9 trở lên, thì phải báo bậc trước dấu quãng.

Nếu nốt quãng thứ 2 hoặc 3 trở đi so với nốt quãng đứng ngay trước nó có khoảng cách từ quãng 8 trở lên, thì phải báo bậc trước nốt quãng thứ hai hay ba đó.

Nếu là nốt quãng đồng âm với nốt ghi hoặc nốt quãng ngay trước nó, thì cũng cần báo lại bậc cho quãng đồng âm đó.

Ví dụ 6.3-1



Ghi chú:

- Hướng quãng cho tay phải này được tính xuống. Ở ô 1:

Hợp âm hai nốt đen đầu tiên có quãng đồng âm. Nốt ghi và nốt quãng đều là bậc 4.

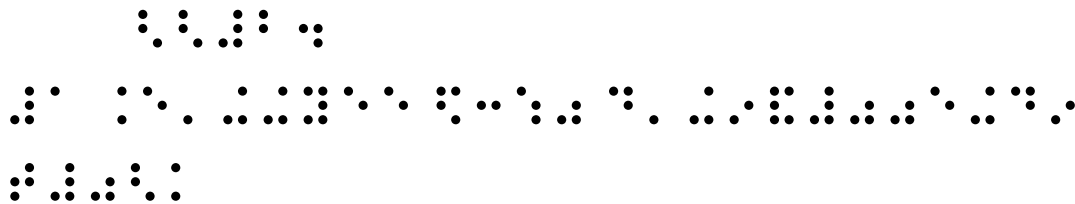
Hợp âm thứ hai là nốt Mi bậc 5 (nốt ghi) và nốt Đô bậc 4 (quãng 10).

Hợp âm thứ ba là nốt Son bậc 5 (nốt ghi), Mi bậc 5 (quãng 3), và Đô bậc 4 (quãng 12).

6.4 Nhân Đôi Quãng

Các quãng có thể được nhân đôi khi có từ bốn nốt liên tục trở lên có cùng quãng hoặc các quãng không bị biến đổi do dấu hóa bất thường hay ký hiệu khác (ngoại trừ quãng đầu tiên và cuối cùng). Việc nhân đôi một quãng không bị ảnh hưởng bởi sự xuất hiện của các quãng được thêm vào. Theo thường lệ, tất cả các đoạn nhân đôi đều kết thúc ở cuối một đoạn di chuyển.

Ví dụ 6.4-1



Ghi chú:

- Quãng 3 được nhân đôi bắt đầu tại hợp âm móc đơn chấm đầu ô 1 và kết thúc nhân đôi tại hợp âm móc đơn chấm đầu ô 3. Như vậy trong phạm vi nhân đôi này, mọi hợp âm đều có quãng 3.

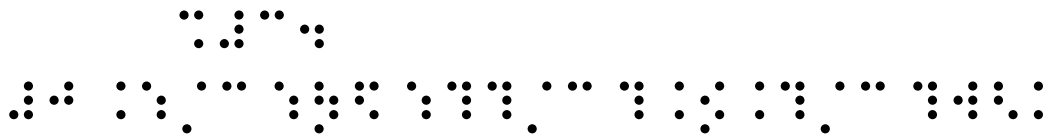
7. DẤU NỐI

Ký hiệu	Mô tả
⠠ ⠠ ⠠	Nối nốt đơn
⠠ ⠠ ⠠	Nối hợp âm từ hai nốt trở lên
⠠ ⠠ ⠠	Rải hợp âm chồng

7.1 Dấu Nối Đơn

Dấu nối ⠠ ⠠ ⠠ được đặt ngay sau nốt đầu tiên của hai nốt đơn nối với nhau và đặt sau vị trí các chấm dò, dấu luyện, ngón bấm (nếu có).

Ví dụ 7.1-1



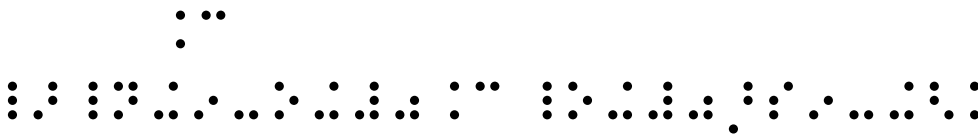
Ghi chú:

- Nốt Rê đen ở ô lẻ nối qua Rê đen đầu ô 1.

7.2 Dấu Nối Hợp Âm

Dấu ⠠ ⠠ ⠠ được dùng khi có nhiều hơn một nốt được nối lại giữa hai hợp âm.

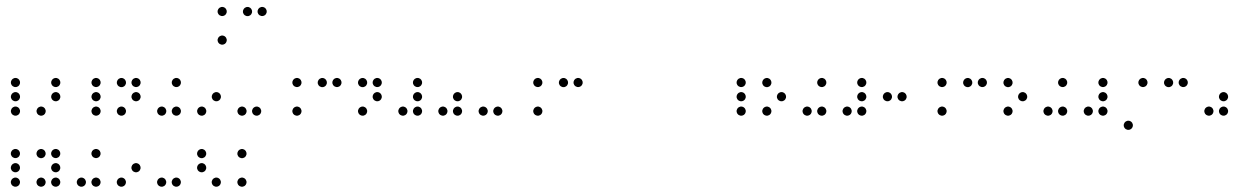
Ví dụ 7.2-1



Ghi chú:

- Hợp âm bốn nốt trắng (Rê Pha Son Si) ở ô 1 nối hoàn toàn qua hợp âm đầu ô 2.

Ví dụ 7.2-2



Ghi chú:

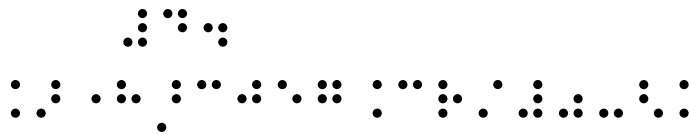
- Bốn hợp âm ở ô 1 và ô 2 nối hợp âm từ hai nốt trở lên với nhau. Riêng hợp âm thứ tư cuối ô 2 là chỉ có một nốt được nối qua hợp âm bên ô 3, nên chỉ dùng dấu nối đơn.

7.3 Rải Chồng Hợp Âm

Khi nhiều nốt được rải giữ chồng lên nhau, thì sẽ dùng dấu báo rải hợp âm chồng chấm 45-14

⠠⠠⠠⠠, ghi sau nốt bắt đầu, và một dấu nối hợp âm sau nốt đơn cuối với hợp âm kết.

Ví dụ 7.3-1



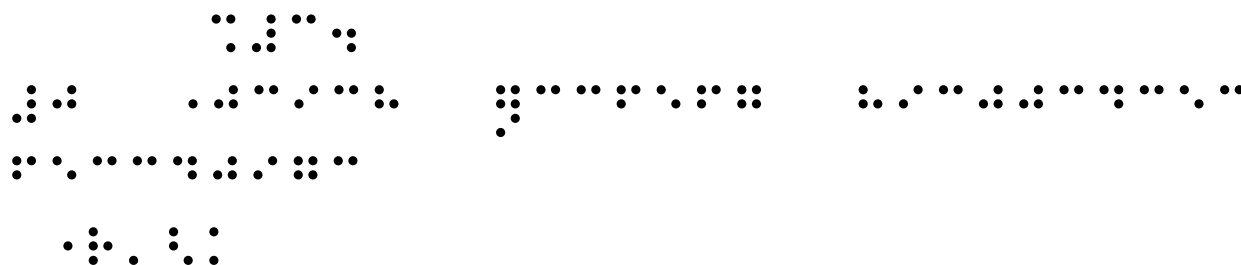
8.3 Tiết Nhạc Chứa Đoạn Luyện Dài

Khi luyện hơn 4 nốt, dấu luyện được ghi theo một trong hai cách sau. Thứ nhất, nhân đôi (viết 2 lần) dấu luyện đơn ⠠⠠⠠⠠⠠ sau nốt đầu tiên của tiết nhạc và kết thúc bằng cách báo lại một dấu luyện đơn khác sau nốt nhạc kế cuối.

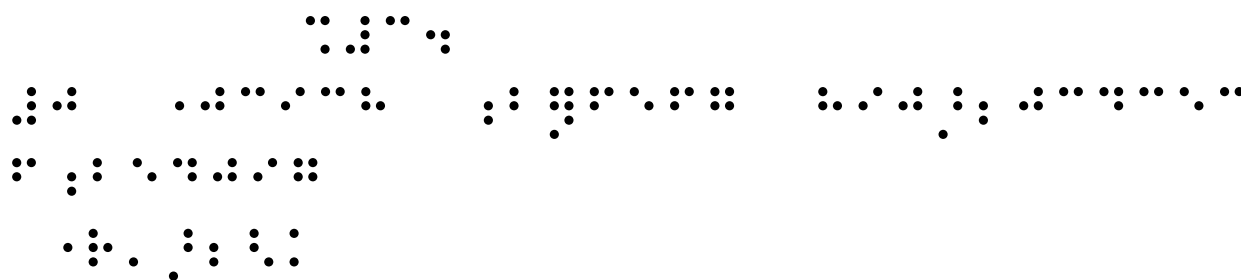
Cách thứ hai, đặt các nốt luyện giữa cặp ký hiệu ⠠⠠ và ⠠⠠ . Đây được gọi là luyện ngoặc.

Ví dụ 8.3-1

(a) Dùng dấu luyện đơn và nhân đôi



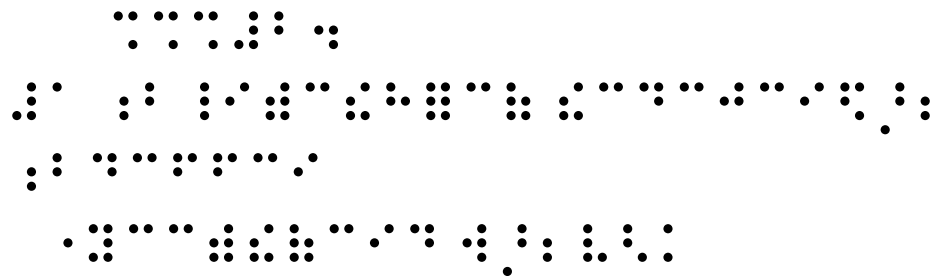
(b) Dùng dấu luyện đơn và luyện ngoặc



8.4 Luyện Chồng/Lớp

Khi luyện hai lần trong tiết nhạc hoặc diễn âm thì dấu luyện ngoặc sẽ dùng cho những lớp luyện dài, còn luyện đơn hay nhân đôi sẽ dùng cho đoạn luyện nằm chồng trong đoạn luyện trước.

Ví dụ 8.4-1



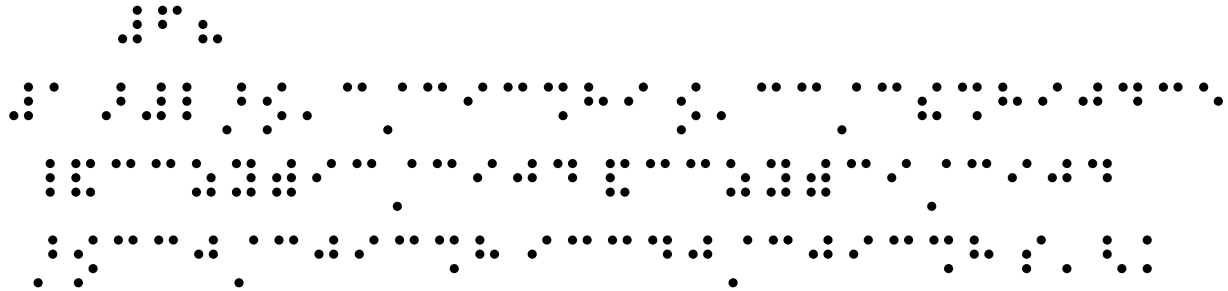
8.5 Dấu Luyện Và Nốt

Khi một nốt nhạc vừa được luyện và nốt với một nốt khác thì dấu luyện sẽ trở nên dư thừa trong nhạc nốt. Trong chuyển đổi lược bản, có thể bỏ dấu luyện đó. Trong chuyển đổi y bản, thì cần ghi ra và đặt dấu luyện nằm trước dấu nốt.

Sau đây là 3 bản dịch ví dụ khác nhau cho cùng một đoạn nhạc để giúp tiện so sánh.

Ví dụ 8.5-1

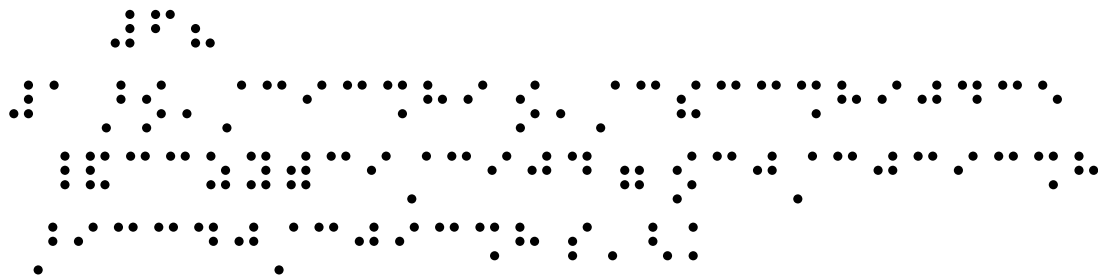
(a) Dấu luyện đơn và nhân đôi trong chuyển đổi y bản (giữ nguyên dấu luyện)



Ghi chú:

- Ký hiệu $\sharp\flat\sharp\flat$ đầu ô 1 là dấu báo khóa pha. Khi viết theo dạng mô tả như bản chữ sáng, thì các khóa nhạc đều cần được ghi ra.

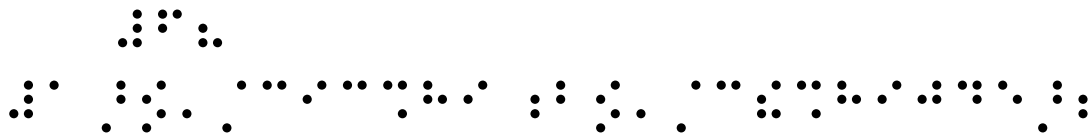
(b) Dấu luyện đơn và nhân đôi



Ghi chú:

Ở ô 4 là dấu $\sharp\sharp\sharp$, báo ô 4 lặp lại ô 3, sẽ được giới thiệu chi tiết trong chương lặp lại trong tài liệu.

(c) Dấu luyện đơn và luyện ngược



9. KÝ HIỆU KỆP VÀ PHÂN CHIA Ô NHỊP

Ký hiệu	Mô tả
⌌.⌌	Kệp toàn ô nhịp
⌌ · ⌌	Kệp một phần ô nhịp
⌌ : ⌌	Phân chia ô nhịp
⌌ · ⌌	Dấu báo ký hiệu do người viết tự thêm

9.1 Phương Pháp Kệp

Trong cùng một ô nhịp, nếu có hai hay nhiều bè đồng thời không thể viết như những hợp âm thì chúng được viết liên tiếp và kết hợp với nhau bằng một dấu kệp, mà không có khoảng trắng xen giữa. Các bè được trình bày theo cách này có thể bao gồm toàn bộ ô nhịp, hoặc ô nhịp đó có thể được chia thành nhiều phần nhỏ sao cho thuận tiện.

Thứ tự ghi bè cũng giống như xét hướng tính quãng, sẽ ghi bè cao trước cho phần nhạc ghi ở khóa bè bổng như tay phải của piano, và từ thấp lên cao cho phần bè ghi trên khóa bè trầm như tay trái piano.

Nốt đầu tiên sau dấu kệp hay dấu phân chia ô nhịp đều phải được báo lại bậc. Ngoài ra, nốt đầu tiên của ô nhịp kế đó cũng phải báo lại bậc.

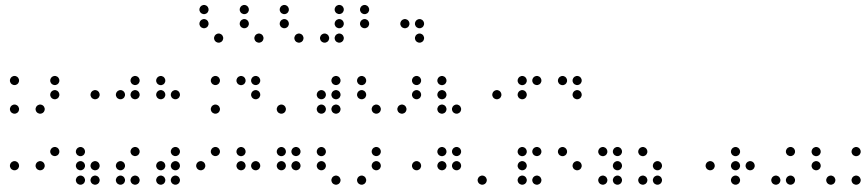
Có hai phương pháp kệp là kệp toàn bộ ô nhịp với dấu kệp ⌌.⌌, và phương pháp kệp một phần với dấu kệp là ⌌ · ⌌ kết cùng dấu chia ô nhịp ⌌ : ⌌.

9.2 Kệp Toàn Ô Nhịp

Khi dùng phương pháp kệp để chỉ đoạn nhạc chứa một ô nhịp hoàn chỉnh cho một bè trên tay (trái/phải) hoặc một bè khác có chứa hai hoặc nhiều thao tác độc lập, các bè cấu thành được kết hợp bằng ký hiệu kệp toàn bộ ô nhịp. Mỗi bên của đoạn kệp phải bao gồm chính xác một ô nhịp đủ các phách.

Nếu trên bản nổi cần phải viết các dấu lặng ẩn không được viết rõ trên bản chữ sáng, mỗi dấu lặng được người chuyển đổi thêm vào phải có một chấm 5 đứng trước.

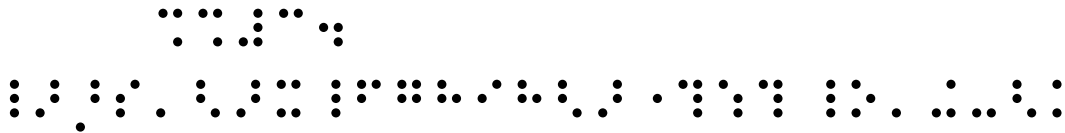
Ví dụ 9.2-1



Ghi chú:

- Hướng tính quãng và bè bên tay phải là từ cao xuống thấp. ô 1 và 2 có 2 bè được kẹp toàn bộ ô nhịp.
- Nốt đầu tiên của mỗi ô nhịp và sau dấu kẹp đều được báo lại bậc.

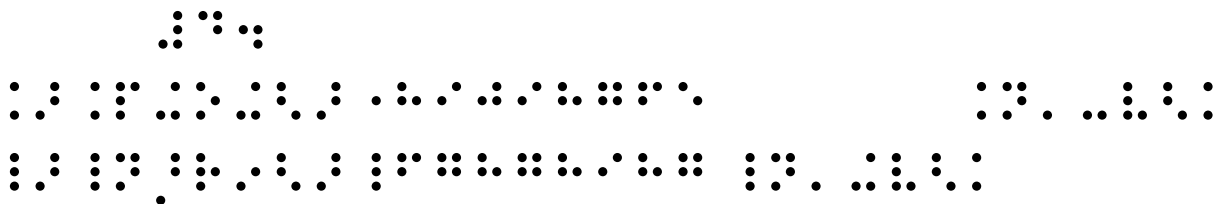
Ví dụ 9.2-2



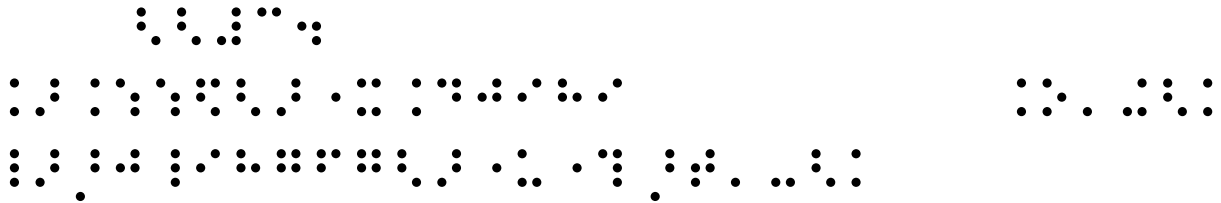
Ghi chú:

- Tay trái được ghi hướng quãng và bè từ thấp lên cao. Ô 1 có ba bè được kẹp toàn bộ ô nhịp.

Ví dụ 9.2-3



Ví dụ 9.2-4



Ghi chú:

- Bè được kẹp ở ô 1 bên cả tay phải và tay trái đều có lạng tự thêm vào. Trước lạng đơn bên tay phải và lạng trắng bên tay trái đều được đánh dấu bằng chấm 5.

9.3 Kẹp Một Phần Ô Nhịp

Khi đoạn nhạc chứa một ô nhịp quá dài hoặc quá phức tạp đến nỗi không thể viết ra một cách rõ ràng như cách kẹp toàn ô nhịp thì nên chia ô nhịp đó thành nhiều tiết đoạn sao cho thuận tiện, mỗi tiết đoạn được coi là một đơn vị riêng lẻ.

Ký hiệu phân chia ô nhịp $\text{⋮} \text{⋮} \text{⋮}$ đứng giữa các tiết đoạn mà không có bất kỳ khoảng trắng nào xen giữa.

Ký hiệu kẹp một phần ô nhịp $\text{⋮} \text{⋯} \text{⋮}$ kết nối các bè của tiết đoạn được phân chia.

Chỉ có ký hiệu kẹp một phần ô nhịp mới có thể sử dụng cho một ô nhịp lẻ thiếu phách.

Ví dụ 9.3-1

The image shows musical notation for Example 9.3-1. It starts with a 6/8 time signature. The first staff contains a quarter note, a quarter note, and a quarter note. The second staff contains a quarter note, a quarter note, and a quarter note. A 'one-part bracket' symbol (⋮⋯⋮) is placed between the two staves to indicate that the notes in both staves are part of the same rhythmic unit. The notation is written in a Braille-like style using dots.

Ghi chú:

- Nhịp 6/8. Ô 1: phách 4-6 của hai bè được tách và áp dụng kẹp một phần với nhau. Ở ô 3 thì từ phách 1-3 của hai bè được kẹp một phần.
- Nốt đứng sau dấu kẹp một phần hay dấu phân chia ô nhịp đều phải báo lại bậc.

Ví dụ 9.3-2

The image shows musical notation for Example 9.3-2. It starts with a 6/8 time signature. The first staff contains a quarter note, a quarter note, and a quarter note. The second staff contains a quarter note, a quarter note, and a quarter note. A 'one-part bracket' symbol (⋮⋯⋮) is placed between the two staves to indicate that the notes in both staves are part of the same rhythmic unit. The notation is written in a Braille-like style using dots.

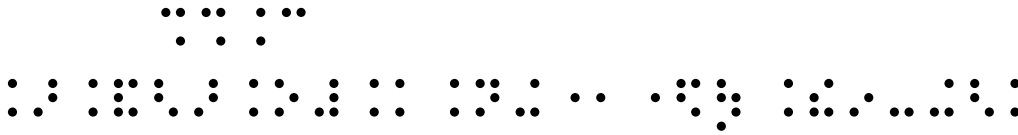
Ghi chú:

- Ô đầu tiên là ô lẻ, nên khi có nhiều bè cần phải được áp dụng bằng phương pháp kẹp một phần.

9.4 Kẹp Lồng Ghép

Một đoạn kẹp một phần ô nhịp có thể được bao hàm trong một đoạn kẹp toàn bộ ô nhịp. Các đoạn kẹp một phần ô nhịp không nên được chia nhỏ hơn nữa.

Ví dụ 9.4-1



Ghi chú:

- Ô 1 có ba bè. Phách 3-4 của hai bè sau được kẹp một phần. Bè đầu tiên thì kẹp toàn ô nhịp với cả hai bè sau.

10. KÝ HIỆU NGÓN

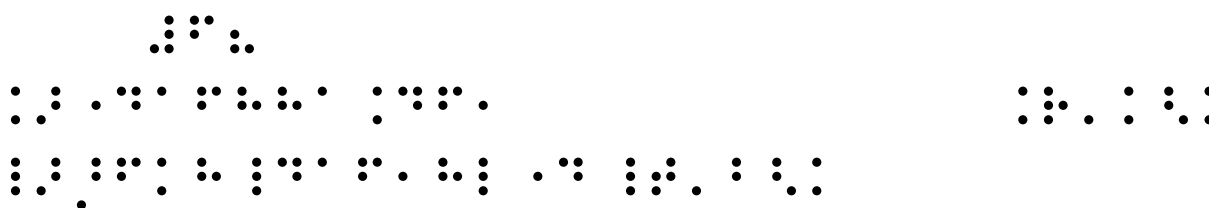
Ký hiệu	Mô tả
⠠⠨	Ngón 1
⠠⠩	Ngón 2
⠠⠪	Ngón 3
⠠⠫	Ngón 4
⠠⠬	Ngón 5
⠠⠭	Chuyển ngón

10.1 Vị Trí Đặt Ký Hiệu Ngón

Các ký hiệu cho các chữ số chỉ ngón được đặt ngay sau các hình nốt hoặc các quãng mà chúng thuộc về, và không được tách khỏi các hình nốt hay các quãng đó bằng bất cứ ký hiệu nào khác ngoại trừ dấu chấm đôi.

Các chữ số không đại diện cho các ngón giống nhau đối với tất cả nhạc cụ. Chẳng hạn, chữ số 1 chỉ ngón cái trong nhạc cụ phím nhưng lại chỉ ngón trỏ trong nhạc cụ dây.

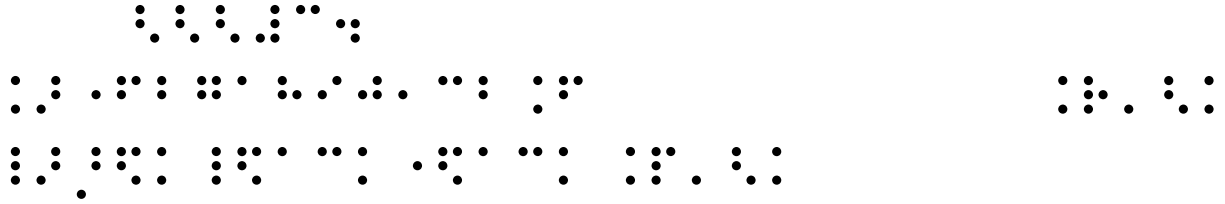
Ví dụ 10.1-1



10.2 Thay Đổi Ngón Bấm

Sự thay đổi ngón bấm ở một nốt hoặc một quãng được thể hiện bằng cách đặt ký hiệu ⠠⠭ giữa hai ký hiệu ngón bấm.

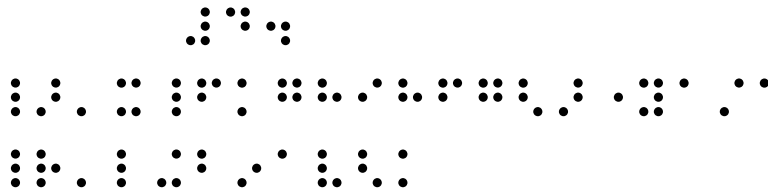
Ví dụ 10.2-1



Ghi chú:

- Ô 1 tay phải có nốt Si đơn đánh bằng ngón 4 xong chuyển qua ngón 2 rồi đánh nốt Mi đơn kế đó. Tương tự, ô 1 tay trái cũng có nốt Mi đen đánh bằng ngón 1 xong chuyển qua ngón 5 rồi đánh nốt kế.

Ví dụ 10.2-2



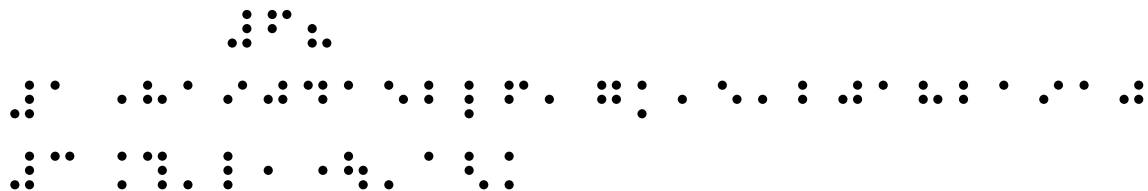
Ghi chú:

- Hợp âm hai nốt tròn ở bè kẹp thứ hai của ô 1 đều được đánh cùng ngón 1. Hợp âm nốt trắng chấm ở ô 2 có nốt Son đánh ngón 3, nốt quãng 3 ngón 2 và quãng 5 ngón 1.

10.3 Các Ngón Bấm Tùy Chọn

Các ngón bấm tùy chọn được thể hiện bằng cách đặt hai ngón bấm sau hình nốt hoặc quãng. Thứ tự viết các ký hiệu này không quan trọng, nhưng một khi thứ tự đó đã được thiết lập, nó phải được duy trì nghiêm ngặt để tránh gây nhầm lẫn.

Ví dụ 10.3-1



Ghi chú:

- Nốt Đô đen chấm đầu ô 3 có hai ngón bấm tùy chọn là ngón 3 và 4. Người chơi có thể chọn đánh bằng ngón 3 hoặc 4.

11. DẤU NGÂN RUNG

Ký hiệu	Mô tả
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung đơn móc đơn
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung đơn móc đôi
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung đơn móc ba
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung đơn móc tư
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung đơn móc năm
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung luân phiên móc đơn
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung luân phiên móc đôi
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung luân phiên móc ba
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung luân phiên móc tư
⋮ ∙ ∙ ∋	Ngân rung luân phiên móc năm

11.1 Các Loại Ngân Rung

Có hai loại ký âm được các nhà nghiên cứu âm nhạc đặt tên là “dấu ngân rung” (tremolo). Loại thứ nhất thể hiện việc lặp lại một nốt đơn lẻ hoặc một hợp âm, gọi là ngân rung đơn. Trong bản chữ sáng, thường được trình bày bằng một hoặc nhiều dấu gạch chéo xuyên qua đuôi nốt nhạc hoặc nhiều dấu chấm ở trên hoặc dưới một hình nốt có giá trị trường độ dài hơn.

Loại thứ hai còn lại thể hiện việc các nốt hoặc các hợp âm ngân rung luân phiên nhau. Thường được trình bày trong bản chữ sáng bằng các giá trị hình nốt bằng nhau, nối với nhau bởi các đường thẳng song song.

Mỗi loại ngân rung có thể được trình diễn theo hoặc không theo nhịp, sẽ do người trình diễn hoàn toàn quyết định.

11.2 Ngân Rung Đơn

Ký hiệu chữ nổi dành cho dấu ngân rung đơn, gồm tiền tố chấm 45 ∋ ∙ ∙ ∋ và một giá trị trường độ lặp lại. Ký hiệu được ghi sau nốt bị ảnh hưởng hoặc sau quãng cuối của hợp âm.

12. DẤU HOA MỸ

Ký hiệu	Mô tả
⋈ . ⋈	Dấu dựa ngắn
⋈ . . ⋈	Dấu dựa dài
⋈ : ⋈	Dấu láy rền
⋈ : ⋈	Dấu lượn giữa các nốt
⋈ . : ⋈	Dấu lượn bên trên hoặc dưới một nốt
⋈ : : ⋈	Dấu lượn nghịch đảo giữa các nốt
⋈ . : : ⋈	Dấu lượn nghịch đảo bên trên hoặc dưới một nốt
⋈ . : ⋈	Dấu day chuyển động lên
⋈ : : ⋈	Dấu day kéo dài chuyển động lên
⋈ . : : ⋈	Dấu day chuyển động xuống
⋈ : : : ⋈	Dấu day kéo dài chuyển động xuống
⋈ . . ⋈	Vuốt đơn (vuốt giữa hai nốt liền kề hoặc trong một hợp âm)

12.1 Giải Nghĩa Các Dấu Hoa Mỹ

Một điều quan trọng cần biết là các nhà soạn nhạc, các nhà biên tập và các thời đại khác nhau trong lịch sử không có một cách nhất quán để diễn giải các dấu hoa mỹ này. Tương tự, các biểu tượng giống hoặc tương tự nhau có thể được biết đến với những cái tên khác nhau. Người chuyển đổi phải thường xuyên dựa vào hình dạng của biểu tượng trong bản chữ sáng, chứ không phải ý nghĩa của nó, để chọn ký hiệu chữ nổi thích hợp nhất.

Hầu hết những dấu hoa mỹ khác cũng sẽ áp dụng cách viết trong chữ nổi như những dấu hoa mỹ được đề cập dưới đây.

12.2 Nốt Dựa

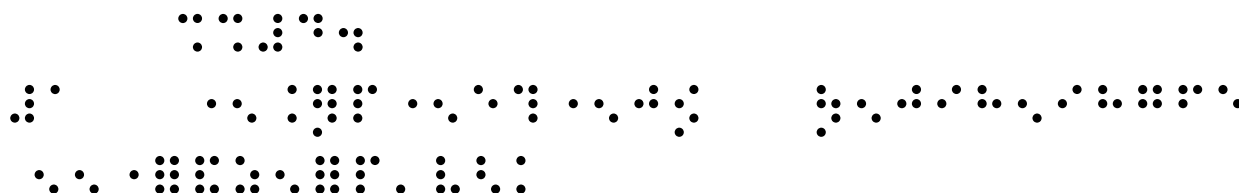
Trong bản chữ sáng, nốt dựa được in dưới dạng một nốt nhỏ có một dấu gạch chéo xuyên qua đuôi nốt, hoặc là một phần của một nhóm các nốt dựa liên tiếp được in dưới dạng các nốt nhỏ, sẽ được ghi bằng nốt dựa ngắn trong nhạc nổi.

Một nốt nhỏ dựa đơn lẻ không có dấu gạch chéo xuyên qua đuôi nốt được chuyển đổi thành một nốt dựa dài. Theo định nghĩa, sẽ chỉ có một nốt dựa dài đứng trước một nốt thường.

Giá trị của các nốt nhỏ dựa không được cộng vào tổng các giá trị tiết tấu của ô nhịp. Ký hiệu nốt dựa được ghi trước nốt nhỏ. Nốt nhỏ nên được ghi cùng dòng với nốt thường mà nó tô điểm.

Nếu có từ bốn nốt nhỏ liên tục trở lên, ký hiệu nốt dựa có thể nhân đôi. Không được áp dụng phương pháp nhóm nốt cho các nốt nhỏ.

Ví dụ 12.2-1



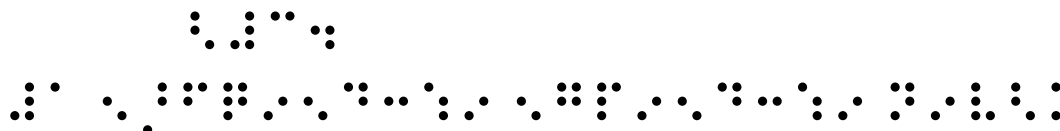
Ghi chú:

- Ô 1, toàn là nốt nhỏ dựa dài: Pha đen tô điểm cho Mi trắng, Rê đơn cho Đô đen, và Si đơn cho La đen.
- Đầu ô 3 là 4 nốt móc đôi nhỏ dựa ngắn liên tục, nên có thể nhân đôi. Tuy nhiên, không được áp dụng nhóm nốt cho nó.

12.2.1 Nốt Dựa Là Hợp Âm

Nếu một hợp âm có quãng hay nốt ghi là nốt dựa, thì cả hợp âm đó được xem là hợp âm nốt dựa, báo ký hiệu nốt dựa trước nốt ghi của hợp âm.

Ví dụ 12.2.1-1



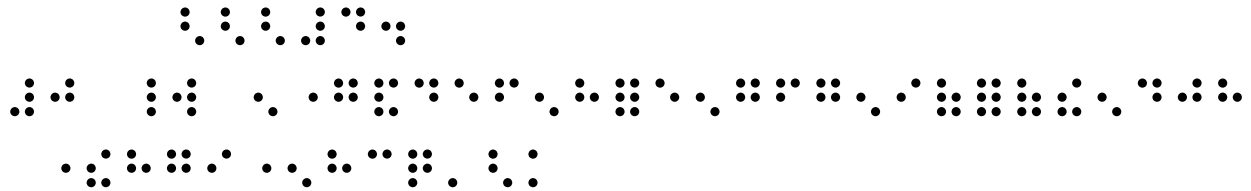
Ghi chú:

- Phách 3 của ô 1 và 2 đều có hợp âm nốt nhỏ dựa ngắn.

12.2.2 Nhóm Nốt Khi Có Nốt Dựa

Việc nhóm nốt thường không bị ảnh hưởng bởi nốt dựa, vì nó không được tính vào tổng giá trị phách của ô nhịp. Sự hiện diện của một nốt dựa móc đơn trong hay sau một nhóm không cản trở việc lập nhóm nốt thường.

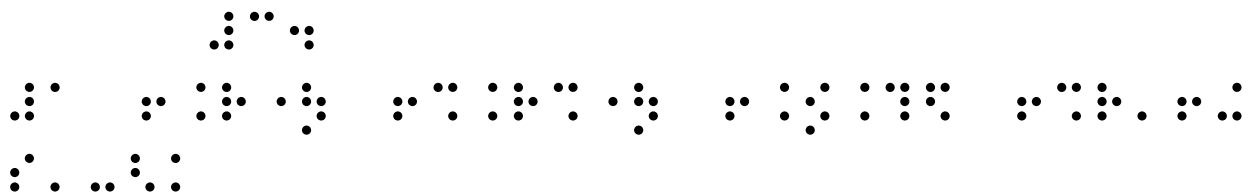
Ví dụ 12.2.2-1



12.3 Dấu Láy Rền

Dấu láy rền được ghi trước nốt, trước bất cứ dấu hóa bất thường hoặc dấu bậc. Nếu nốt quãng có láy rền, thì báo dấu láy rền trước dấu quãng đó.

Ví dụ 12.3-1



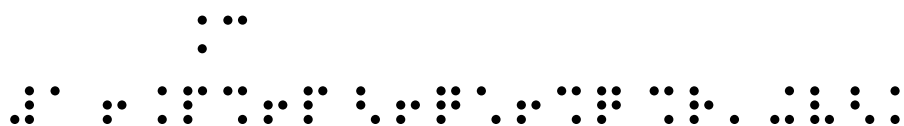
Ghi chú:

- Từ ô 1-4 đều có láy rền xuất hiện. Riêng ở ô 4, láy rền vừa được áp dụng cho cả nốt ghi và nốt quãng.

12.3.1 Dấu Hóa Bất Thường Của Nốt Láy Rền

Khi dấu láy rền có dấu hóa bất thường, sẽ ghi dấu hóa đó trước dấu láy rền. Dấu hóa láy rền này sẽ áp dụng cho nốt được đánh láy rền cùng với nốt chính.

Ví dụ 12.3.1-1



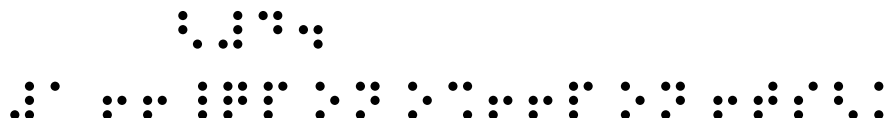
Ghi chú:

- Ô 2: nốt Pha trắng có nốt láy rền với dấu hóa bất thường là giáng (nếu theo hướng xuống nốt láy rền là Mi giáng). Và tiếp theo nốt là Pha thăng có láy rền là nốt bình (theo hướng xuống sẽ là Mi bình).

12.3.2 Nhân Đôi Dấu Láy Rền

Khi có bốn nốt trở lên đều có dấu láy rền, dấu láy rền có thể được nhân đôi miễn là dấu láy rền không bị một dấu hóa bất thường thay đổi.

Ví dụ 13.3.2-1



Ghi chú:

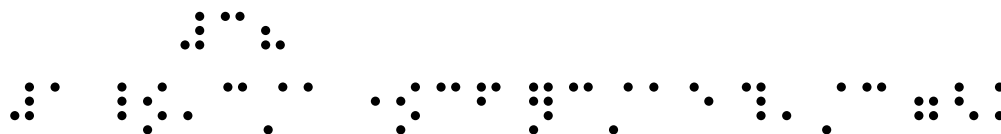
- Mọi nốt từ Pha trắng đầu ô 1 đến nốt Mi trắng ở ô 3 đều có dấu láy rền, hơn 4 nốt nên nhân đôi. Từ nốt Mi trắng ô 3 láy rền có dấu hóa bất thường, nên xét báo nhân đôi lại từ điểm này cho đến điểm hết láy rền là Si trắng đầu ô 5.

12.4 Dấu Vuốt

Dấu vuốt $\sharp \flat \sharp$ đại diện cho một đường thẳng hoặc lượn sóng liên kết các cao độ khởi đầu và kết thúc. Nó được ghi sau nốt đầu tiên trong hai nốt, và ghi sau dấu luyến (nếu có).

Nếu dấu vuốt thuộc về một nốt quãng trong hợp âm, thì ghi dấu vuốt này sau dấu quãng của nốt đó.

Ví dụ 12.4-1



Ghi chú:

- Nốt La đen chấm bậc 3 ô 1 vuốt lên nốt La đen bậc 4 ô 2.

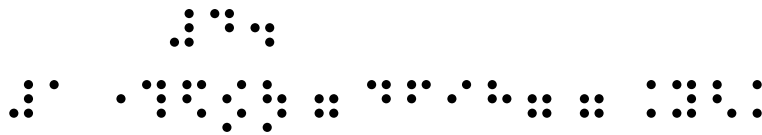
13. LẶP LẠI TOÀN BỘ VÀ MỘT PHẦN Ô NHỊP

13.1 Cách Dùng Chung Của Ký Hiệu Lặp Lại Trong Nhạc Nổi

Ký hiệu lặp lại chấm 2356 :: :: :: trong nhạc nổi được sử dụng tự do hơn nhiều so với biểu tượng báo lặp tương tự trong bản chữ sáng. Không dùng ký hiệu này cho đoạn nhạc dài hơn một ô nhịp.

Dưới đây là các điều kiện và ví dụ cho những trường hợp có thể áp dụng hoặc không.

Ví dụ 13.1-1



Ghi chú:

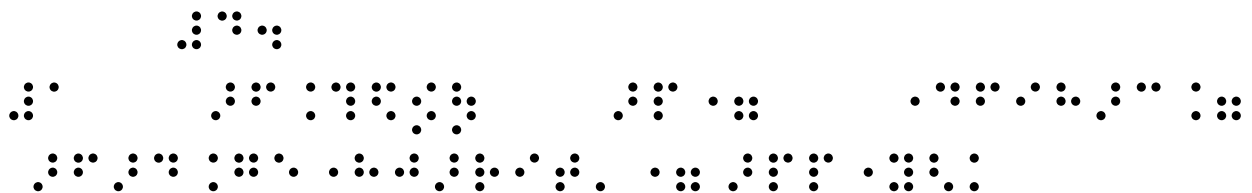
- Ô 2 lặp lại ô 1 (lặp lại toàn ô).
- Ô 3: phách 3-4 lặp lại phách 1-2 (lặp lại một phần ô).
- Ô 4 lặp lại ô 3.

13.1.1 Lặp Lại Trong Các Bậc Và Cường Độ Khác Nhau

Khi toàn bộ đoạn lặp trùng nốt với đoạn gốc nhưng ở bậc khác, thì có thể báo lặp bằng cách báo bậc nốt đầu tiên của đoạn lặp đứng trước dấu lặp.

Khi đầu đoạn lặp và gốc khác cường độ, vẫn có thể báo lặp và các cường độ đầu đoạn lặp vẫn phải được ghi ra (nếu có).

Ví dụ 13.1.1-1



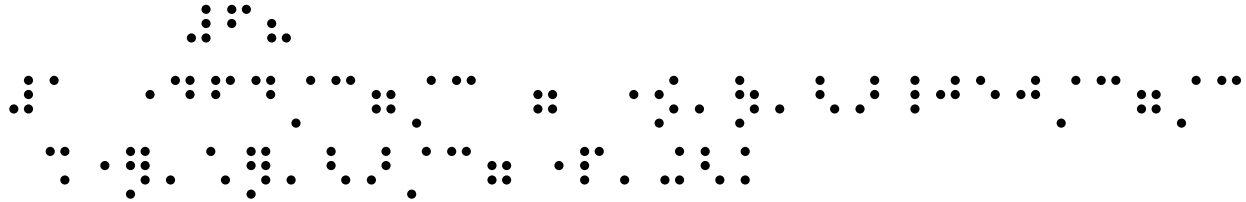
Ghi chú:

- Ô 2 lặp lại ô 1 bắt đầu ở bậc 4 trong khi ô gốc bắt đầu ở bậc 5. Ngoài ra, đầu ô 2 và 1 khác nhau cường độ, nên vẫn hợp lệ để xét báo lặp.
- Ô 3: phách 3-4 lặp lại 1-2 ở bậc 4, và đầu đoạn lặp có cường độ trong khi gốc thì không.

13.1.2 Dấu Luyện, Nối Và Lặp Lại

Khi nốt hoặc hợp âm cuối đoạn lặp có luyện hoặc nối qua nốt/hợp âm kế, thì cần báo dấu luyện hay nối tương ứng ngay sau dấu lặp.

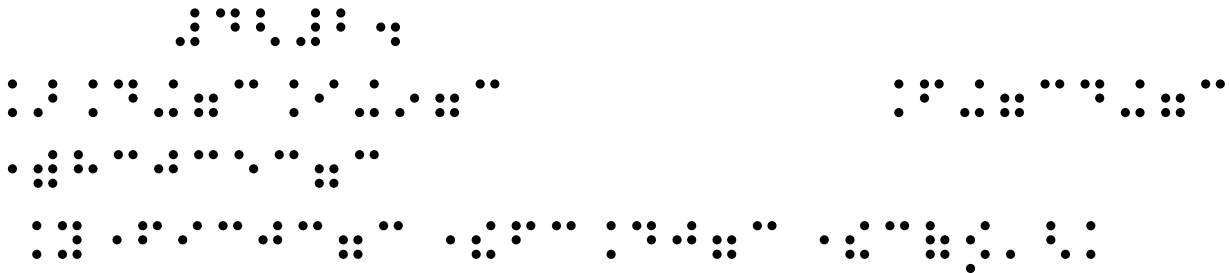
Ví dụ 13.1.2-1



Ghi chú:

- Ô 1: phách 3-4 lặp 1-2 và nốt cuối của đoạn lặp nối qua nốt đầu tiên ở ô 2, nên báo dấu nối ngay sau dấu lặp.
- Ô 2 lặp lại ô 1 nhưng nốt cuối không có nối qua ô 3.
- Ô 3 và 4 cũng đưa ra ví dụ tương tự ô 1 và 2, nhưng ở dạng hai bè kẹp.

Ví dụ 13.1.2-2



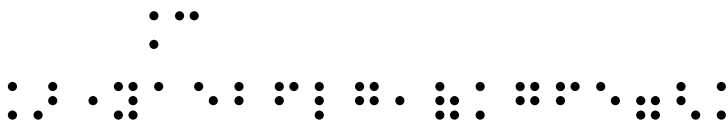
Ghi chú:

- Ô 1: nửa phách 1 và nửa phách 2 lặp lại nửa phách liền trước và hợp âm lặp có luyện qua nốt sau, nên cần báo lại dấu luyện sau dấu lặp.
- Lưu ý: khác với nối, khi nốt cuối đoạn gốc có luyện nhưng đoạn lặp không có, thì không nên báo lặp để tránh nhầm lẫn.

13.1.3 Ký Hiệu Ngón Và Lặp Lại

Được báo lặp khi cả đoạn gốc và lặp đều cùng ghi giống ngón bấm. Ngoài ra, nếu đoạn gốc có ghi nhưng đoạn lặp không ghi ngón bấm, thì cũng có thể báo lặp. Nhưng nếu đoạn lặp có ghi và đoạn gốc không có, thì không được coi là lặp.

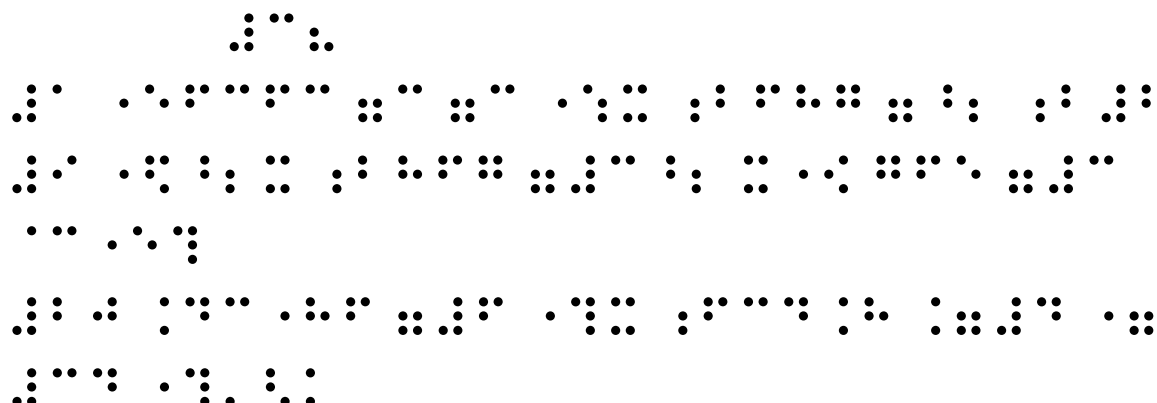
Ví dụ 13.1.3-1



13.2 Lặp Lại Một Ô Nhịp Nhiều Lần

Khi một ô nhịp được lặp hai lần, thì báo hai lần dấu lặp lại có khoảng trắng phân cách như dấu vạch nhịp. Khi lặp lại từ ba lần trở lên, thì báo dấu lặp lại cộng với số lần lặp. Ngoài ra, những quy tắc lặp chung đề cập ở mục 13.1 vẫn được áp dụng.

Ví dụ 13.2-1



Ghi chú:

- Ô 1 được lặp lại hai lần, lặp ở ô 2 và 3.
- Ô 20 được lặp lại sáu lần, lần lượt ở các ô 21-26.
- Ô 28 được lặp lại bốn lần ở bậc khác.

13.3 Lặp Lại Một Phần Ô Nhịp

Ngoài những quy tắc chung, sau đây là một số điểm riêng dành cho lặp một phần ô nhịp.

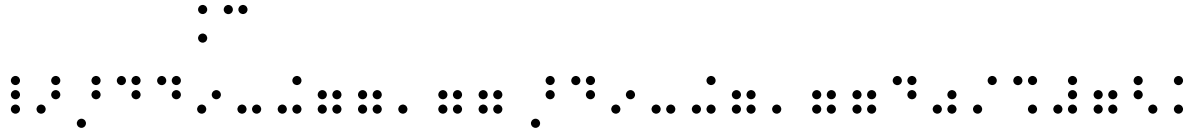
Dấu lặp lại có thể báo khi nhiều phần liên tiếp của ô nhịp lặp lại.

Khi có hai phần lặp liên tiếp nhưng khác giá trị trường độ, thì thêm chấm 3 vào ngay sau dấu lặp đứng liền trước để phân biệt.

Ví dụ 13.3-1



Ví dụ 13.3-2



Ghi chú:

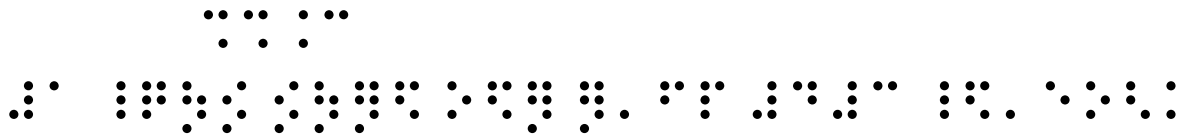
- Ô 2: hợp âm nửa sau lặp nửa đầu phách 1. Và ngay sau đó là phách 2 lặp phách 1. Như vậy, giữa hai dấu lặp này có giá trị trường độ lặp khác nhau, nên thêm chấm 3 ở sau dấu báo lặp nửa phách 1.

14. LẶP LẠI BẰNG SỐ ĐẾM

14.1 Lặp Lại Bằng Số Đếm Ngược

Có thể báo lặp lại một đoạn gồm một hay nhiều ô nhịp bằng cách viết hai con số. Số đầu tiên là số ô nhịp đếm ngược về trước. Số thứ hai là số ô nhịp được lặp lại. Nếu số đếm lùi và số ô lặp bằng nhau, thì chỉ cần ghi một con số.

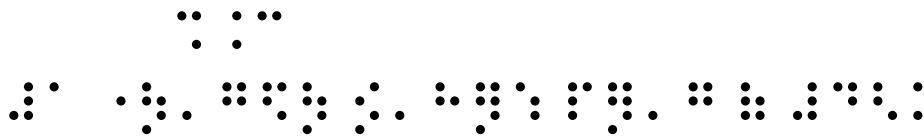
Ví dụ 14.1-1



Ghi chú:

- Đếm lùi về 4 ô và lặp 3 ô. Cụ thể là ô 5-7 lặp lại ô 1-3.

Ví dụ 14.1-2



Ghi chú:

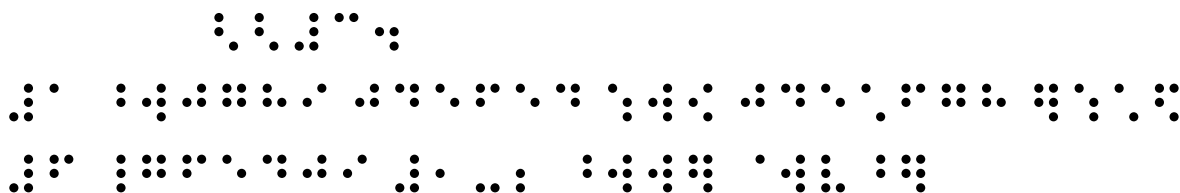
- Số đếm lùi và số ô lặp bằng nhau, nên chỉ báo một con số 4. Cụ thể là ô 5-8 lặp lại ô 1-4.

14.2 Lặp Lại Bằng Số Thứ Tự Ô Nhịp

Có thể tận dụng số đánh thứ tự của ô nhịp để báo đoạn lặp lại đoạn ô nhịp. Phương pháp này còn được gọi là lặp lại theo số đếm xuôi.

Số thứ tự ô nhịp báo lặp được ghi dạng số nhỏ (ghi trong bốn chấm dưới là 2356), và phân cách bằng dấu gạch ngang chấm 36 :: .. :: giữa số ô bắt đầu và kết thúc lặp.

Ví dụ 14.2-1



Ghi chú:

- Ô 3 lặp ô 1. Nốt cuối ô 3 có nối qua ô 4. Dấu nối được ghi trước nốt Mi đen đầu ô 4.

15. DẤU LẶP LẠI TRONG BẢN CHỮ SÁNG

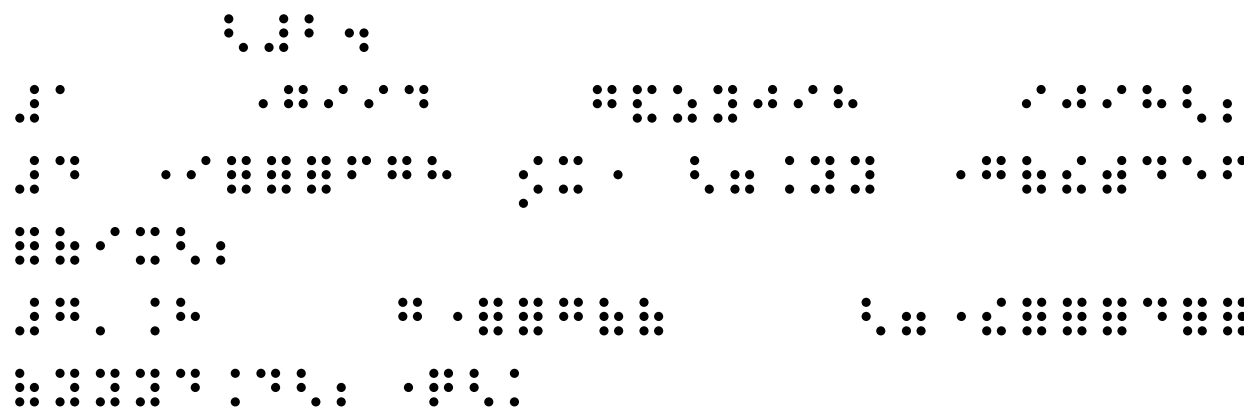
Ký hiệu	Mô tả
⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Vạch đôi có hai chấm phía sau (điểm bắt đầu lặp lại)
⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Vạch đôi có hai chấm phía trước (quay về và lặp lại)
⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Dấu segno
⠠⠨⠠⠨⠠⠨	Dấu hồi hình vòng tròn chữ thập (dấu coda)

15.1 Ký Hiệu Bắt Đầu Và Kết Thúc Lặp Lại

Vạch nhịp kép có hai dấu chấm phía sau, nhằm chỉ bắt đầu đoạn được lặp lại, được chuyển thành ký hiệu ⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨. Nếu dấu báo điểm bắt đầu lặp lại xuất hiện ở giữa ô nhịp, thì cần thêm chấm 5 sau nốt đứng trước nó, và một khoảng trắng rồi viết.

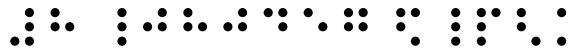
Vạch nhịp kép có hai dấu chấm phía trước, nhằm chỉ kết thúc đoạn được lặp lại, được chuyển thành ký hiệu ⠠⠨⠠⠨⠠⠨.

Ví dụ 15.1-1



Ghi chú:

- Ô 7 được bỏ qua đoạn mới và viết tiếp. Số 7 báo ô nhịp viết tiếp có chấm 3 để biết đây là ô nhịp được viết tiếp từ cuối đoạn trước.



Ghi chú:

- Đánh từ ô 1 đến 4, gặp chữ báo lặp lại từ dấu hờ (segno), nghĩa là đánh lại từ ô 2. Sau ô 2 gặp dấu coda báo chuyển tiếp đến đoạn sau, nghĩa là đánh tiếp từ ô 5 trở đi vvv.

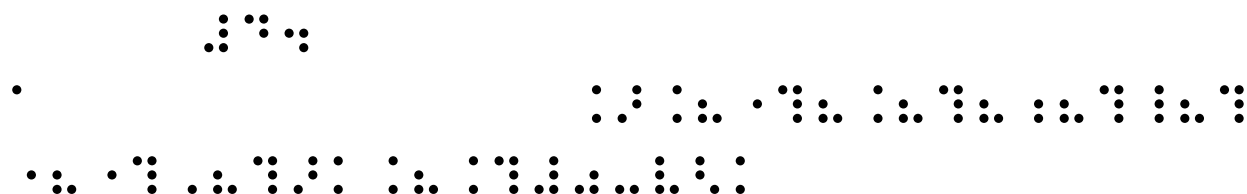
16. SẮC THÁI

16.1 Ký Hiệu Ghi Trước Nốt

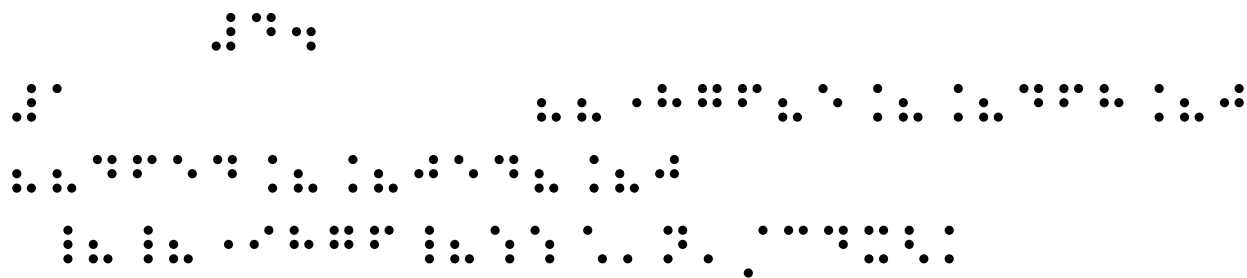
Những ký hiệu sắc thái trong bảng sau đây luôn được ghi trước nốt, trước dấu hóa bất thường hoặc bậc (nếu có). Ngoài ra, khi có từ bốn nốt liên tục trở lên có cùng ký hiệu sắc thái trong bảng này, thì có thể viết tắt bằng cách nhân đôi.

Ký hiệu	Tên gọi	Mô tả
⦿ ⦿ ⦿	Ttaccato	Dấu chấm ghi trên hay dưới một nốt
⦿ ⦿ ⦿	Staccatissimo	Ký hiệu hình quả lê ghi bên trên hay bên dưới một nốt
⦿ ⦿ ⦿	Mezzo-staccato	Dấu chấm và một gạch ngắn ghi trên hay dưới một nốt nhạc
⦿ ⦿ ⦿	Tenuto	Dấu nhấn ngang ghi trên hay dưới một nốt
⦿ ⦿ ⦿	Accent	Dấu nhấn có hình mũi nhọn hẹp nằm ngang chỉ về bên phải
⦿ ⦿ ⦿	Stress/expressive	Dấu nhấn có hình mũi nhọn dẫn rộng nằm ngang chỉ về bên phải được liên kết với một hình nốt
⦿ ⦿ ⦿	Unstress/reversed accent	Dấu nhấn có hình mũi nhọn hẹp nằm ngang chỉ về bên trái
⦿ ⦿ ⦿	Martellato	Dấu nhấn hình chữ V viết xuôi hoặc ngược
⦿ ⦿ ⦿	Upward arpeggio	Dấu rải từ dưới lên. Đường uốn cong hay gợn sóng chiều thẳng đứng trong một khuôn nhạc.
⦿ ⦿ ⦿	Downward arpeggio	Dấu rải hợp âm từ trên xuống trong một khuôn nhạc

Ví dụ 16.1-1



Ví dụ 16.1-2



Ghi chú:

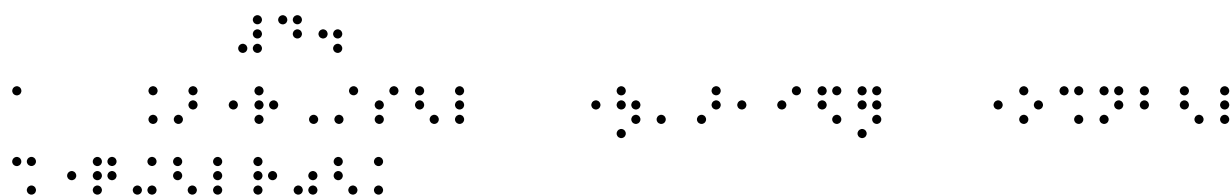
- Ô 1: bốn nốt móc đơn đầu tiên đều có dấu staccato nên nó được viết tắt bằng cách nhân đôi.

16.2 Ký Hiệu Ghi Sau Nốt

Bảng sau liệt kê ký hiệu sắc thái lấy hơi, ngắt hơi và dấu mắt ngừng (fermata). Những ký hiệu này luôn được ghi ở cuối nốt hoặc quãng cuối của hợp âm.

Ký hiệu	Mô tả
⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Lấy hơi.
⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Ngắt hơi.
⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Dấu mắt ngừng (fermata).

Ví dụ 16.2-1



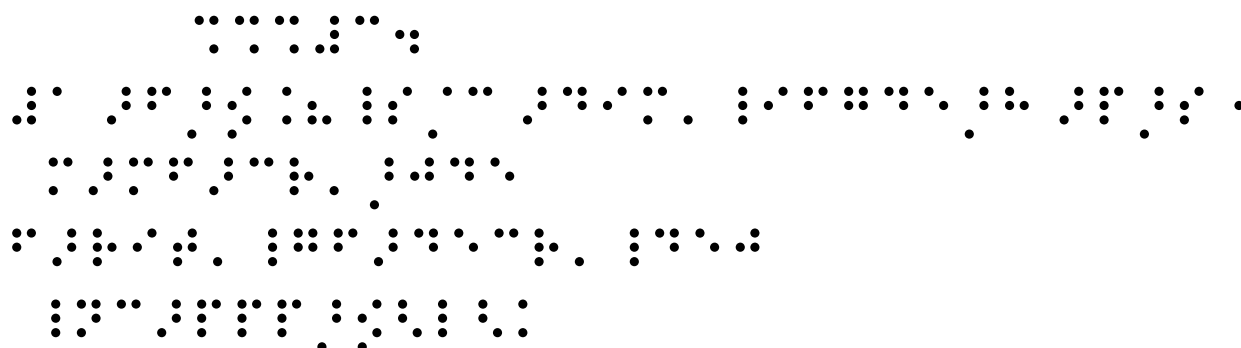
16.3 Từ Và Chữ Viết Tắt

Khi trong bản nhạc xuất hiện chữ hay từ diễn đạt sắc thái hoặc chỉ dẫn nào đó, dùng dấu báo chữ chấm 345 ⠠⠠⠠ ghi trước chữ đó. Nếu là cụm chữ (có khoảng trắng phân cách), báo thêm một lần dấu báo chữ ⠠⠠⠠ ở cuối từ đó và theo sau là một dấu khoảng trắng.

Nốt đứng sau chữ luôn được báo lại bậc.

Ký hiệu	Mô tả
⠠⠠⠠	Ký hiệu báo chữ trong nhạc
⠠⠠⠠⠠⠠	Rất êm nhẹ (pianissimo)
⠠⠠⠠	Êm nhẹ (piano)
⠠⠠⠠⠠	Mạnh vừa (mezzo-forte)
⠠⠠⠠	Mạnh (forte)
⠠⠠⠠⠠⠠	Rất mạnh (fortissimo)
⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Mạnh dần (crescendo)
⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Yếu dần (decrescendo)
⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Giảm dần (diminuendo)
⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Dấu Mạnh dần (dấu Cresc.) có hình chiếc kẹp tóc nằm ngang phân biên về bên phải và dấu kết thúc
⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Dấu Yếu dần (dấu Decresc.) có hình chiếc kẹp tóc nằm ngang hội tụ về phía bên phải và dấu kết thúc

Ví dụ 16.3-1



17. NHẠC CỤ PHÍM

Ký hiệu	Mô tả
⠠ ⠠⠠⠠	Tay phải
⠠ ⠠⠠⠠⠠	Tay phải, các quãng đọc đi lên
⠠ ⠠⠠⠠	Tay trái
⠠ ⠠⠠⠠⠠	Tay trái, các quãng đọc đi xuống
⠠ ⠠⠠⠠	Báo dòng tóm tắt phần giai điệu độc tấu
⠠ ⠠⠠⠠	Báo dòng ghi nốt cho bàn đạp trong đại phong cầm (organ)
⠠⠠⠠⠠	Nhấn bê-đan vang
⠠⠠⠠⠠	Nhả bê-đan vang
⠠⠠⠠⠠	Nhấn và thả bê-đan trên một nốt
⠠ ⠠⠠⠠⠠	Nửa bê-đan
⠠ ⠠⠠⠠⠠	Nhấn bê-đan ngay sau khi đánh
⠠ ⠠⠠⠠⠠	Nhả bê-đan ngay sau khi đánh

17.1 Bản Chữ Sáng Và Chữ Nổi

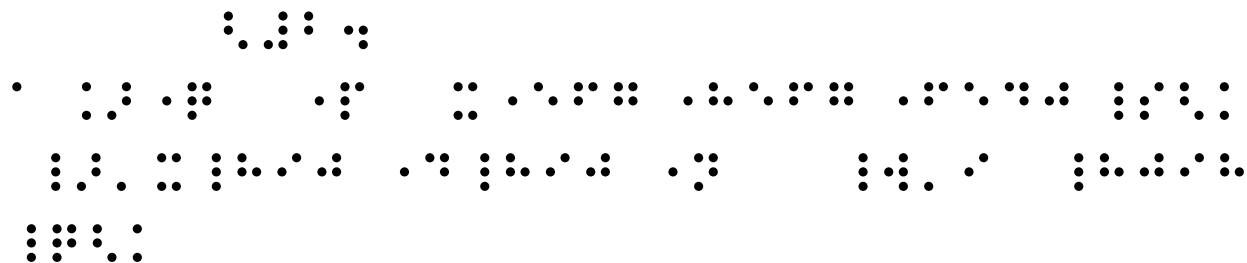
Các bản chữ sáng dành cho đàn piano, harpsichord, clavichord, hoặc keyboard synthesizer thường được in trên khuông nhạc lớn (thường gồm hai khuông nhạc ghép lại với nhau bằng dấu ngoặc ôm). Khuông nhạc ở dưới chứa nửa bên trái trên bàn phím của đàn, khuông nhạc ở trên chứa nửa bên phải. Các dòng và khe có các cao độ cụ thể khác nhau, và được chỉ ra bằng khóa nhạc. Kết quả là khuông nhạc ở dưới thường chứa phần bè được chơi bằng tay trái và khuông nhạc ở trên thường do tay phải chơi.

Trong chữ nổi, nhạc được trình bày trên hai dòng song song liên tiếp, dòng chữ nổi ở trên dành cho tay phải và dòng ở dưới dành cho tay trái.

Ký hiệu tay phải hay trái được ghi đầu dòng của đoạn nhạc. Nốt đứng sau nó phải luôn được báo bậc. Ngoài ra, nếu ký hiệu đứng ngay sau ký hiệu tay có chứa chấm 1, 2 hoặc 3, thì phải thêm chấm 3 vào sau ký hiệu tay.

Quãng của hợp âm được đọc từ cao xuống thấp cho tay phải và từ thấp lên cao cho tay trái.

Ví dụ 17.1-1



Ghi chú:

- Dòng trên của đoạn này là tay phải và dưới là tay trái.
- Đây là kiểu ký âm ô nhịp trên ô nhịp trong nhạc nổi. Vị trí ô chữ nổi bắt đầu ghi của một ô nhịp luôn bắt đầu cùng nhau trên cả dòng tay phải và trái. Việc này giúp đối chiếu giữa các ô nhịp trong cùng một đoạn theo chiều dọc nhanh và hiệu quả hơn.

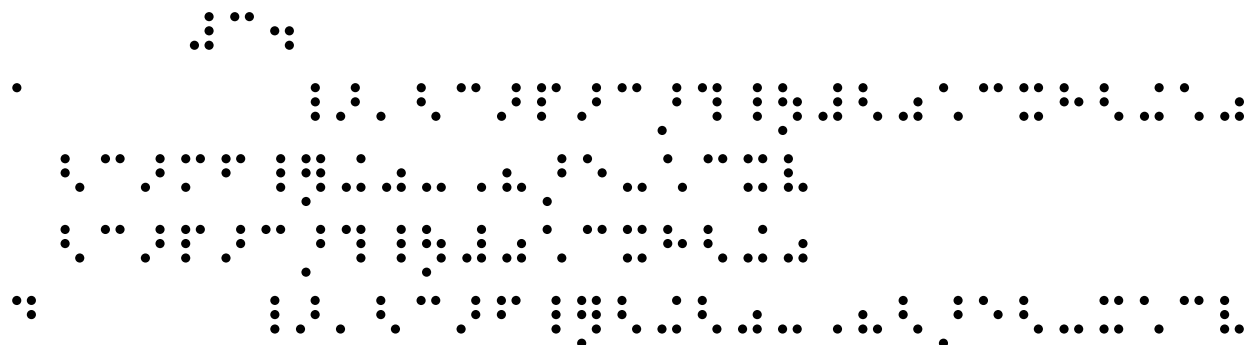
17.2 Bàn Đạp Vang

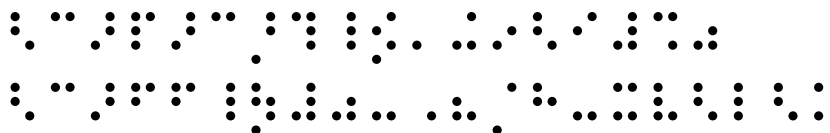
Thao tác nhấn và nhả bàn đạp vang âm (pedal 3) được thể hiện trên bản chữ sáng bằng biểu tượng “Ped.” và một dấu sao (hoặc dấu hoa thị). Các thao tác này còn có thể được trình bày bằng một dấu ngoặc nằm ngang hoặc bằng biểu tượng “Ped.” có dấu ngoặc theo sau.

Trên bản chữ nổi, dấu báo bàn đạp thường được viết trên phần bè tay trái. Dấu báo nhấn được ghi ở trước và nhả bàn đạp được ghi ở sau nốt được tác động.

Lưu ý: khi xuất hiện thao tác nhả và nhấn bàn đạp lại liền, thì không cần thiết báo dấu nhả.

Ví dụ 17.2-1





- Cuối ô 5 có dấu nhả bàn đạp và ngay sau đó, đầu ô 6 là nhấn bàn đạp, nên không cần báo dấu nhả cuối ô 5.

18. NHẠC CỤ DÂY

Số dây

⠠⠠⠠⠠	Dây 1
⠠⠠⠠⠠	Dây 2
⠠⠠⠠⠠	Dây 3
⠠⠠⠠⠠	Dây 4
⠠⠠⠠⠠	Dây 5
⠠⠠⠠⠠	Dây 6
⠠⠠⠠⠠	Dây 7

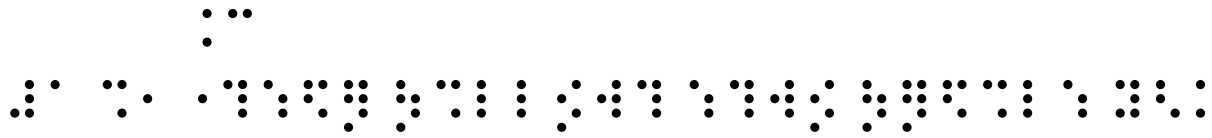
Vị trí ngăn bấm

⠠⠠⠠⠠	Ngăn 1
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 2
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 3
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 4
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 5
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 6
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 7
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 8
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 9
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 10
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 11
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 12
⠠⠠⠠⠠	Ngăn 13
⠠⠠⠠⠠	Nửa ngăn

Các ngón tay trái, vuốt và hòa âm

⠠⠠	Ngón trỏ
⠠⠠	Ngón giữa
⠠⠠	Ngón áp út
⠠⠠	Ngón út
⠠⠠	Dây buông
⠠⠠	Ngón cái
⠠⠠	Vuốt đơn
⠠⠠	Hòa âm tự nhiên

Ví dụ (violin) 18.1.1-2



Ghi chú:

- Nốt Đô đen đầu ô 1 là ở dây 4.
- Từ nốt La đen ô 2 đến Rê đen cuối ô 4 được đánh trên dây 3. Số dây được báo cho đoạn dài từ bốn nốt trở lên này bằng phương pháp nhân đôi.

18.1.2 Ngăn Bấm

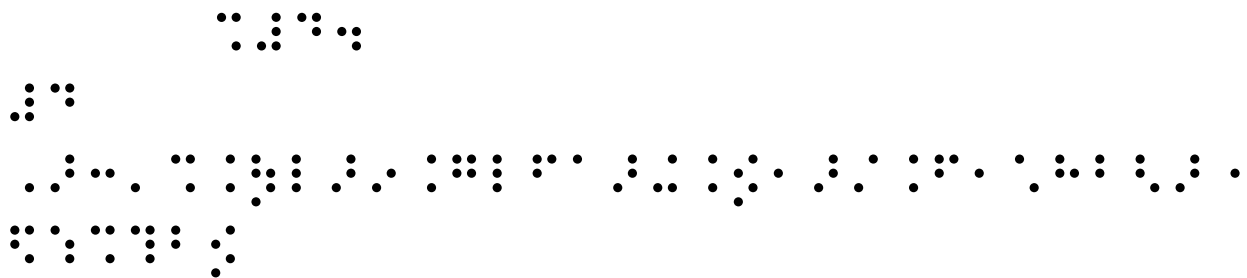
Ngăn bấm trên cần đàn, còn gọi là phím bấm, sẽ được báo trước nốt, trước dấu báo số dây. Nốt đứng sau dấu ngăn bấm cần báo lại bậc.

Nếu ký hiệu đứng ngay sau ngăn bấm có chấm 1, 2 hoặc 3, thì cần thêm chấm 3 vào sau dấu ngăn bấm.

Riêng với dấu báo ngăn bấm số 7, cần thêm chấm 6 vào trước để tránh sự nhầm lẫn với dấu báo kết đoạn mạnh dần (crescendo).

Nếu vị trí ngăn bấm được áp dụng kéo dài cho một đoạn, thì thêm hai chấm 3 $\mathbb{3}$. . $\mathbb{3}$ vào ngay sau dấu báo ngăn bấm bắt đầu đoạn, và báo $\mathbb{3}$. $\mathbb{3}$ sau nốt cuối của đoạn để báo kết.

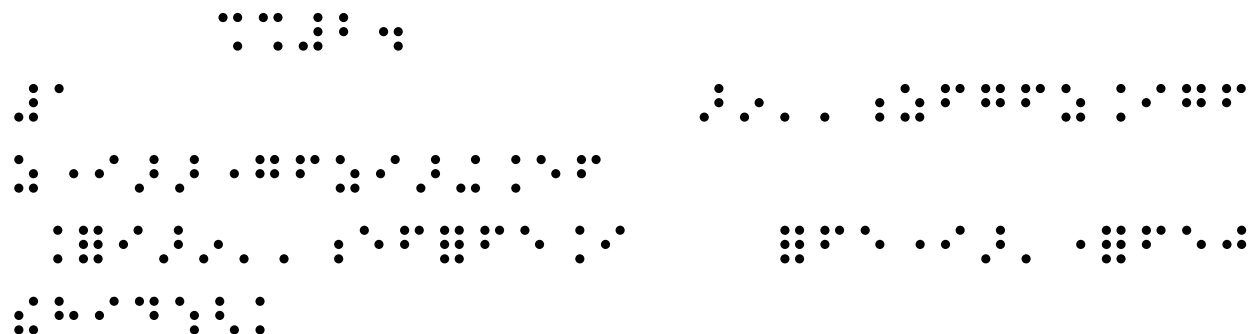
Ví dụ (guitar) 18.1.2-1



Ghi chú:

- Đầu ô 1 là báo ngăn bấm số 7, có thêm chấm 6 ở trước.

Ví dụ (violin) 18.1.2-2



Ghi chú:

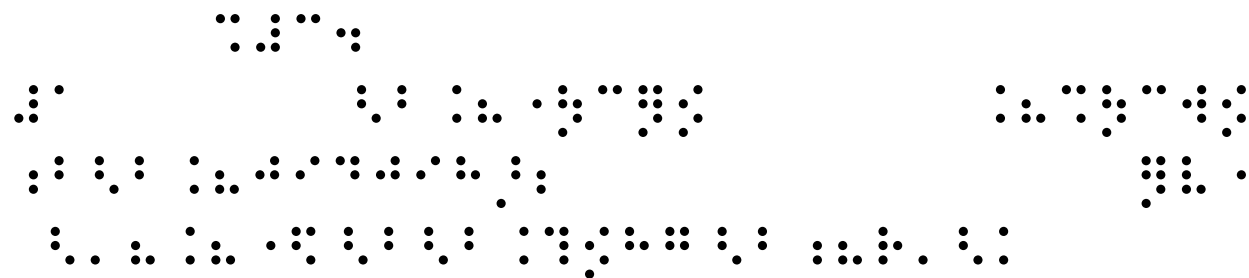
- Đầu ô 1 là báo ngăn 5 kéo dài đến giữa phách 1 của ô 2 là đổi sang báo ngăn 1. Khi tại điểm kết của đoạn kéo dài là dấu báo ngăn mới, thì không cần thiết báo dấu kết đoạn của ngăn trước đó.
- Ô 3 có báo ngăn 5 kéo dài và báo kết cuối phách 1 ô 4.

18.1.3 Kéo Vĩ Và Gảy Dây

Ký hiệu kéo vĩ lên xuống được viết trước nốt, trước các dấu hoa mỹ và sắc thái. Khi có từ bốn nốt liên tục trở lên cùng báo thao tác kéo, có thể nhân đôi bằng cách viết hai lần dấu kéo ở nốt bắt đầu và một lần ở nốt kết.

Thao tác gảy dây lên xuống của nhạc cụ dây gảy cũng áp dụng theo quy tắc giống với nhạc cụ dây dùng vĩ.

Ví dụ (violin) 18.1.3-1



Ghi chú:

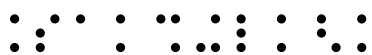
- Từ ô 5 đến 6, có hơn 4 nốt liên tiếp đều có thao tác kéo vĩ xuống, nên viết tắt bằng cách báo nhân đôi ở đầu ô 5 và báo một lần kết thúc ở ô 6.

18.1.4 Hòa Âm Tự Nhiên Và Nhân Tạo

Dấu báo hòa âm tự nhiên chấm 13 ♪: ♪ được đặt sau nốt hoặc quãng, ngay sau vị trí ngón (nếu có). Trong khi ký hiệu hòa âm nhân tạo chấm 16-123 ♪: ♪ được ghi trước nốt hoặc quãng, trước dấu hóa bất thường.

Cách báo dấu hòa âm cho cả nhạc cụ dây gảy và dùng vĩ đều giống nhau.

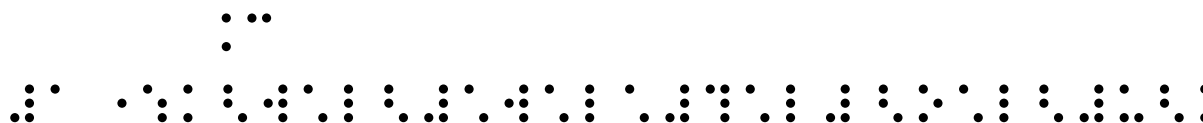
Ví dụ (violin) 18.1.4-1



Ghi chú:

- Nốt La trắng bấm ngón trỏ có hòa âm tự nhiên. Nốt quãng 3 bấm ngón 3 và cũng có hòa âm tự nhiên.

Ví dụ (violin) 18.1.4-2



Ghi chú:

- Tất cả nốt có quãng 4 trong ví dụ này đều có hòa âm nhân tạo.

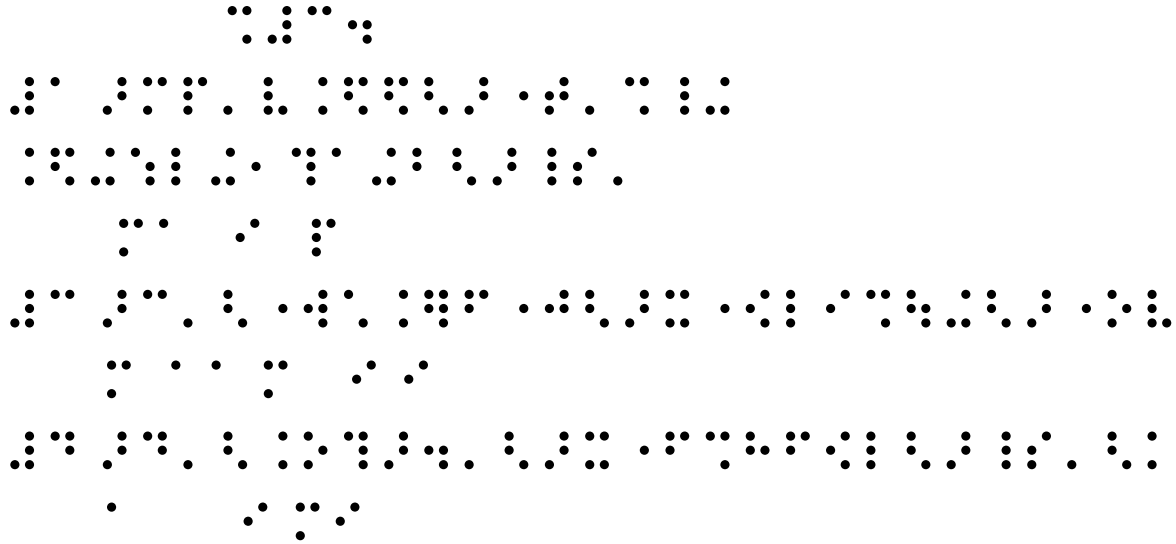
18.2 Nhạc Cụ Dây Gảy

Ký hiệu	Mô tả
♪: ♪	Gảy lên
♪: ♪	Gảy xuống
♪: ♪	Ngón cái tay phải
♪: ♪	Ngón trỏ tay phải
♪: ♪	Ngón giữa tay phải
♪: ♪	Ngón áp út tay phải
♪: ♪	Ngón út tay phải (c hoặc x)
♪: ♪	Bắt đầu vuốt đoạn (nốt không liền kề)
♪: ♪	Kết thúc vuốt đoạn
♪: ♪	Hợp âm chặn toàn phần
♪: ♪	Hợp âm chặn một phần

18.2.1 Ngón Gậy Bên Tay Phải

Khi đoạn nhạc có báo ngón gậy cho tay phải, định dạng ô nhịp trên ô nhịp sẽ thêm một dòng ghi riêng ngón gậy, nằm ngay dưới dòng nốt. Vị trí ô chữ nổi ghi ngón gậy sẽ cùng vị trí ô ghi nốt hoặc nốt quãng của nó khi đọc theo chiều dọc.

Ví dụ 18.2.1-1



Ghi chú:

- Dưới dòng ghi nốt ô 1 và 2 là dòng ghi ngón gậy bên tay phải cho ô 1. Hai nốt Mi đen của bè đầu ô 1 gậy lần lượt với ngón giữa (m) và ngón áp út (a). Nốt Si trắng chấm bên bè kẹp sau đó gậy bằng ngón trỏ (i) và nốt quãng 3 của nó gậy bằng ngón cái (p).

18.2.2 Vuốt

Nếu vuốt liền kề giữa hai nốt, thì báo dấu vuốt đơn chấm 4-1 ⠠⠠⠠⠠⠠ ở sau nốt đầu tiên, sau dấu luyến.

Nếu vuốt giữa hai nốt trong cùng hợp âm, thì báo dấu vuốt đơn sau nốt ghi hoặc nốt quãng mà nó bắt đầu điểm vuốt.

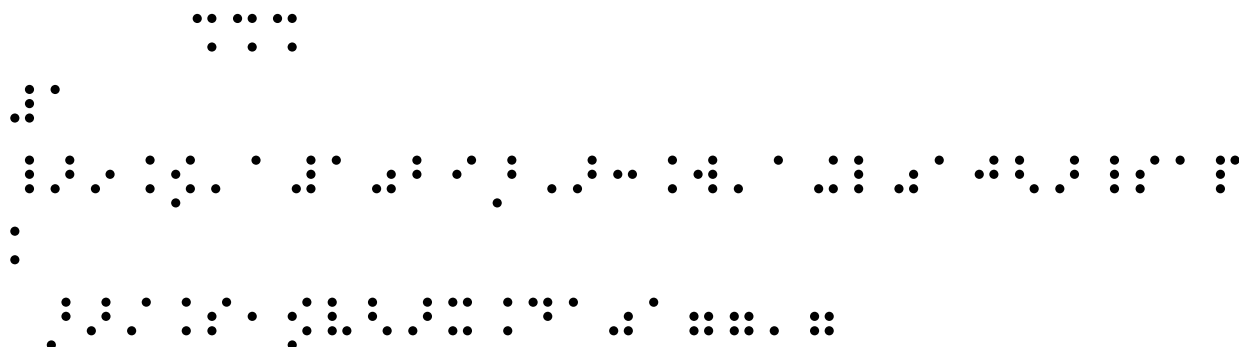
Nếu vuốt từ một nốt/quãng của một hợp âm qua nốt/quãng của hợp âm kế, hoặc vuốt giữa hai nốt đơn không liền kề, thì cần dùng dấu vuốt báo bắt đầu ⠠⠠⠠⠠⠠ và kết ⠠⠠⠠⠠⠠ . Dấu báo bắt đầu vuốt được ghi sau nốt hoặc quãng, và dấu kết ghi trước nốt hoặc quãng.

18.2.3 Hợp Âm Chặn (Barré)

Còn được phiên âm hay gọi là bấm ba-rê. Có hai dạng là hợp âm chặn toàn phần và một phần. Thông thường vị trí nốt báo bấm ba-rê thường có báo vị trí ngăn bấm kèm theo.

Dấu ba-rê toàn phần chấm 456 ⠠⠠⠠ và một phần chấm 45 ⠠⠠ luôn được ghi sát trước dấu báo ngăn.

Ví dụ 18.2.3-1



Ghi chú:

- Đầu ô 1 báo bấm hợp âm chặn toàn phần ở ngăn 5.
- Đầu ô 2 báo hợp âm chặn một phần ngăn 2.

18.3 Nhạc Cụ Dây Dùng Vĩ

Ký hiệu	Mô tả
⠠⠠⠠	Kéo vĩ xuống
⠠⠠⠠	Kéo vĩ lên
⠠⠠⠠	Gảy bằng tay trái

18.3.1 Kéo Vĩ Và Gảy

Thao tác dùng vĩ kéo hoặc chuyển sang gảy bằng ngón bên tay phải, thường được chỉ dẫn bằng chữ, ví dụ như "pizz." (gảy ngón) và "arco" (kéo vĩ).

Ví dụ 18.3.1-1

